

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Thùy Dương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XI
MĂNG VICEM HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Trần Thị Thùy Dương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Thùy Dương

Mã SV: 120282

Lớp: QT1202K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH
một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty.
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng trong năm 2011.
 - Sử dụng số liệu về thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Thụ.**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: **Khoá luận tốt nghiệp**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 4 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Trần Thị Thùy Dương

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên *Trần Thị Thùy Dương* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý, với 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về Công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán... Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty, có số liệu minh họa cụ thể (tháng 10 năm 2011). Số liệu minh họa trong bài viết khá chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương III: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số: Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	3
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	3
1.1.2 Khái niệm, đặc điểm.....	3
1.1.3 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	4
1.1.3.1 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.	4
1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu.....	5
1.1.4 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu.	6
1.1.4.1 Phân loại nguyên vật liệu.	6
1.1.4.2 Tính giá nguyên vật liệu.....	7
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	13
1.2.1 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu.	13
1.2.1.1 Phương pháp thẻ song song.	13
1.2.1.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	15
1.2.1.3 Phương pháp sổ luân chuyển số dư.....	17
1.2.2 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.....	19
1.2.2.1 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	19
1.2.2.2 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	23
1.2 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	26
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG	29

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.....	29
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.....	29
2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.....	31
2.1.2.1 Ngành nghề sản xuất kinh doanh.....	31
2.1.2.2 Quy trình sản xuất tại công ty.....	31
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.....	35
2.1.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.....	35
2.1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.....	37
2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.....	40
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.....	40
2.1.4.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.....	45
2.1.4.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.....	46
2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.....	47
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.....	48
2.2.1 Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu.....	48
2.2.1.1 Đặc điểm nguyên vật liệu.....	48
2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu.....	50
2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.....	53
2.2.2.1 Thủ tục nhập - xuất nguyên vật liệu.....	53

2.2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty.	72
2.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.	81
2.2.3.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng.	81
2.2.3.2 Quy trình hạch toán.	82
2.3 Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.	91
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG.	94
3.1 Nhận xét về kế toán nguyên vật liệu tại công ty.	94
3.1.1 Ưu điểm.....	95
3.1.2 Nhược điểm.....	96
3.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.....	97
3.2.1 Mục đích. yêu cầu. nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu.97	
3.2.1.1 Mục đích.....	97
3.2.1.2 Yêu cầu.....	97
3.2.1.3 Nguyên tắc.....	98
3.2.2 Một số ý kiến đề xuất.....	98
KẾT LUẬN	108

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 01: Quá trình hạch toán theo phương pháp thẻ song song.	14
Sơ đồ 02: Trình tự kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.	16
Sơ đồ 03: Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ sổ dư. ...	18
Sơ đồ 04: Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.	21
Sơ đồ 05: Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	25
Sơ đồ 06: Quy trình công nghệ sản xuất của Công ty TNHH một thành viên VICEM xi măng Hải Phòng.....	32
Sơ đồ 07: Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.....	36
Sơ đồ 08: Bộ máy kế toán Công ty TNHH một thành viên VICEM xi măng Hải Phòng.....	41
Sơ đồ 09: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	43
Sơ đồ 10: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	44
Sơ đồ 11: Quá trình hạch toán theo phương pháp thẻ song song.	72
Sơ đồ 12: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán hàng tồn kho	83

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 01: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm:.....	30
Biểu số 01: Hóa đơn GTGT	56
Biểu số 02 : Giao diện phần mềm kế toán FAST.....	57
Biểu số 03: Ủy nhiệm chi.....	58
Biểu số 04: Phiếu nhập vật tư.....	59
Biểu số 05: Hóa đơn GTGT	61
Biểu số 06: Giao diện Phiếu nhập Clinker	62
Biểu số 07: Phiếu nhập vật tư.....	63
Biểu số 08: Phiếu yêu cầu xuất vật tư.....	66
Biểu số 09: Giao diện Phiếu xuất Clinker.....	67
Biểu số 10: Phiếu xuất vật tư.	68
Biểu số 11: Phiếu yêu cầu xuất vật tư.....	69
Biểu số12: Giao diện Phiếu xuất vỏ bao.....	70
Biểu số13: Phiếu xuất vật tư.	71
Biểu số 14: Thẻ kho.	75
Biểu số 15: Sổ chi tiết TK 152211	76
Biểu số 16: Thẻ kho.	78
Biểu số 17: Sổ chi tiết TK 152119.....	79
Biểu số 18: Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn	80
Biểu số 02: Nhập vỏ bao	87
Biểu số 06: Nhập Clinker.....	87
Biểu số 09: Xuất Clinker.....	88
Biểu số 12: Xuất vỏ bao	88
Biểu số 19: Trích sổ Nhật kí chung.....	89
Biểu 20: Sổ cái TK 152.....	90
Biểu số 21: Biên bản kiểm kê vật tư.	93
Biểu số 22: Báo cáo dự báo vật tư theo kế hoạch sản xuất kinh doanh.....	102
Biểu số 23: Bảng tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	107

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp sản xuất muốn tồn tại và phát triển nhất định phải có phương pháp sản xuất kinh doanh phù hợp và hiệu quả. Một quy luật tất yếu trong nền kinh tế thị trường là cạnh tranh, do vậy mà doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để đứng vững và phát triển trên thương trường, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng với chất lượng ngày càng cao và giá thành hạ. Đó là mục đích chung của các doanh nghiệp sản xuất. Nắm bắt được thời thế trong bối cảnh đất nước đang chuyển mình trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, với nhu cầu cơ sở hạ tầng, đô thị hoá ngày càng cao. Các doanh nghiệp sản xuất luôn luôn không ngừng phấn đấu để tạo những tài sản cố định cho nền kinh tế. Tuy nhiên, trong thời gian hoạt động, các doanh nghiệp sản xuất còn thực hiện tràn lan, thiếu tập trung làm thất thoát lớn cần được khắc phục.

Để thực hiện được điều đó, vấn đề trước mắt là cần phải hạch toán đầy đủ, chính xác nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất vật chất, bởi vì đây là yếu tố cơ bản trong quá trình sản xuất, nó chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. Chỉ cần một biến động nhỏ về chi phí nguyên vật liệu cũng ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Điều đó buộc các doanh nghiệp phải quan tâm đến việc tiết kiệm nguyên vật liệu để làm sao cho một lượng chi phí nguyên vật liệu bỏ ra như cũ mà sản xuất được nhiều sản phẩm hơn, mà vẫn đảm bảo chất lượng. Đó cũng là biện pháp đúng đắn nhất để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời tiết kiệm được hao phí lao động xã hội. Kế toán với chức năng là công cụ quản lý phải tính toán và quản lý như thế nào để đáp ứng được yêu cầu đó.

Nhận thức được một cách rõ ràng vai trò của kế toán, đặc biệt là kế toán nguyên vật liệu trong quản lý chi phí của doanh nghiệp, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng cùng với sự giúp đỡ của Phòng Kế toán và được sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo - Ths. Nguyễn Văn

Thụ, em đã đi sâu vào tìm hiểu công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

Vận dụng những kiến thức đã tiếp thu được ở trường kết hợp với thực tế về công tác hạch toán nguyên vật liệu ở Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng em xin viết đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng”.

Bài luận văn này gồm có 3 chương:

Chương I: Những lý luận chung về kế toán vật liệu tại các doanh nghiệp sản xuất.

Chương II: Tình hình thực tế tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

Do kiến thức và lý luận thực tế hiểu biết chưa nhiều nên trong bài viết của mình còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Em rất mong được các thầy cô giáo và các cán bộ trong Công ty chỉ bảo thêm để có điều kiện nâng cao kiến thức của mình phục vụ cho công tác sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu là một trong những nhân tố cấu thành nên sản phẩm, sau quá trình sản xuất kinh doanh giá trị của nó chuyển dịch hết vào giá trị sản phẩm. Nguyên vật liệu chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Do đó nguyên vật liệu có vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Để đạt được mục tiêu cao nhất của doanh nghiệp là lợi nhuận thì mục tiêu trước mắt là giảm giá thành sản phẩm. Quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ là góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

Kế toán là công cụ phục vụ cho việc quản lý nguyên vật liệu. Nó góp phần kiểm soát, tránh thất thoát, lãng phí nguyên vật liệu ở tất cả các khâu dự trữ, sử dụng, thu hồi, ...ngoài ra còn đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời, đồng bộ những nguyên vật liệu cần thiết cho sản xuất. Kế toán nguyên vật liệu giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm được tình hình vật tư để chỉ đạo tiến độ sản xuất. Hạch toán nguyên vật liệu phải đảm bảo chính xác, kịp thời và đầy đủ tình hình thu mua, nhập, xuất, dự trữ vật liệu. Tính chính xác của hạch toán kế toán nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành sản phẩm.

Vì vậy cần thiết phải tổ chức hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp và có làm tốt điều này mới tạo được tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu lợi nhuận.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm.

❖ Khái niệm nguyên vật liệu:

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, một trong những điều kiện cần thiết không thể thiếu được đó là đối tượng lao động. Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động đã được thể hiện dưới dạng vật hoá.

Theo Các Mác tất cả mọi vật trong thiên nhiên ở xung quanh chúng ta lao động có ích có thể tác động vào đối tượng lao động. Như vậy, nếu đối tượng được con người tác động vào thì đối tượng lao động đó trở thành nguyên vật liệu. Đồng thời, Các Mác cũng chỉ ra rằng bất cứ một loại nguyên vật liệu nào cũng là đối tượng lao động, nhưng không phải bất cứ đối tượng lao động nào cũng là nguyên vật liệu. Chỉ trong điều kiện đối tượng có thể phục vụ cho quá trình sản xuất hay tái tạo ra sản phẩm và đối tượng đó do lao động tạo ra mới trở thành nguyên vật liệu.

Vậy nguyên vật liệu là đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hoá chỉ tham gia vào một chu trình sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng sản phẩm được sản xuất ra.

❖ Đặc điểm của nguyên vật liệu:

- Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và chuyển toàn bộ giá trị hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Khi tham gia vào sản xuất kinh doanh thì nguyên vật liệu bị biến dạng hoặc tiêu hao hoàn toàn, nó không còn giữ được hình dạng ban đầu.
- Nguyên vật liệu được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như: Mua ngoài, tự chế biến, nhận vốn góp liên doanh... nhưng trong đó chủ yếu là mua ngoài.
- Nguyên liệu thường chiếm tỉ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm ở các doanh nghiệp, nên việc bảo quản nguyên vật liệu phải chặt chẽ, kịp thời.

1.1.3 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.3.1 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, vì vậy công tác quản lý nguyên vật liệu được các doanh nghiệp coi trọng, cụ thể ở từng khâu quản lý nguyên vật liệu, yêu cầu đặt ra là khác nhau:

- Khâu thu mua: Mỗi loại vật liệu có tính chất lý hoá khác nhau, công dụng

khác nhau, mức độ và tỷ lệ tiêu hao khác nhau. Do đó, thu mua phải sao cho đủ số lượng, đúng chủng loại, phẩm chất tốt, giá cả hợp lý, chỉ cho phép hao hụt trong định mức. Ngoài ra phải đặc biệt quan tâm đến chi phí thu mua, nhằm hạ thấp chi phí vật liệu một cách tối đa.

- **Khâu bảo quản:** Để tránh mất mát, hư hỏng, hao hụt, đảm bảo an toàn nguyên vật liệu phải tổ chức kho tàng, bến bãi, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu. Nếu không thực hiện tốt công tác này sẽ ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng của nguyên vật liệu.

- **Khâu sử dụng:** Cần phải tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng vật liệu trong sản xuất kinh doanh. Cần sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở định mức và dự toán chi. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, tăng thu nhập, tăng tích lũy cho doanh nghiệp.

- **Khâu dự trữ:** Đòi hỏi doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối thiểu, tối đa để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh được bình thường, không bị ngừng trệ, gián đoạn do cung cấp không kịp thời hoặc ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu.

Kế toán là một công cụ quản lý kinh tế, vì thế để đáp ứng một cách khoa học, hợp lý xuất phát từ đặc điểm của nguyên vật liệu, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, chức năng của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp, kế toán cần thực hiện những nhiệm vụ sau:

- **Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập - xuất - tồn kho vật liệu, tình hình luân chuyển vật tư hàng hoá cả về giá trị lẫn hiện vật. Tính toán đúng đắn giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của vật liệu đã thu mua, nhập và xuất kho của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình thu mua vật liệu về các mặt: Số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời chủng loại vật liệu và các thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.**

- Áp dụng đúng đắn các phương pháp và kỹ thuật hạch toán hàng tồn kho, mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép phản ánh, phân loại, tổng hợp số liệu... về tình hình hiện có và sự biến động tăng giảm trong quá trình sản xuất kinh doanh, cung cấp kịp thời số liệu để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.
- Tổ chức đánh giá, phân loại, kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng vật liệu, tính toán xác định chính xác số lượng giá trị vật liệu cho các đối tượng sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Tham gia kiểm kê đánh giá lại nguyên vật liệu theo đúng chế độ nhà nước quy định, lập các báo cáo về nguyên vật liệu phục vụ cho công tác quản lý và lãnh đạo, tiến hành phân tích đánh giá vật liệu từng khâu nhằm đưa ra đầy đủ các thông tin cần thiết cho quá trình quản lý.

1.1.4 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu.

1.1.4.1 Phân loại nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp, nguyên vật liệu rất đa dạng và phong phú, mỗi loại có một vai trò, công dụng và tính năng lý hoá khác nhau. Vì vậy để quản lý vật liệu một cách có hiệu quả, các doanh nghiệp tiến hành phân loại vật liệu. Tùy theo yêu cầu quản lý vật liệu mà từng doanh nghiệp thực hiện phân loại theo các cách khác nhau.

- ❖ Phân loại theo vai trò và công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu:
 - Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể của sản phẩm.
 - Nguyên vật liệu phụ: Là những loại nguyên vật liệu có tác dụng phục vụ trong quá trình sản xuất, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm hoặc được sử dụng để đảm bảo cho công cụ lao động hoạt động bình thường hoặc dùng để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.
 - Nhiên liệu: Là những thứ được tiêu dùng cho sản xuất năng lượng như than, dầu mỏ, hơi đốt,... Nhiên liệu thực chất là vật liệu phụ được tách thành một nhóm

riêng do vai trò quan trọng của nó và nhằm mục đích quản lý và hạch toán thuận tiện hơn.

- Phụ tùng thay thế: Gồm các loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải.

- Thiết bị và vật liệu xây dựng cơ bản: Là các vật liệu, thiết bị phục vụ cho hoạt động xây dựng cơ bản, tái tạo tài sản cố định.

- Vật liệu khác: Bao gồm những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên, những phế liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc thu hồi từ thanh lý tài sản.

❖ Phân loại theo nguồn hình thành:

- Nguyên vật liệu mua ngoài: Là loại nguyên vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.

- Nguyên vật liệu tự sản xuất: Là nguyên vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

- Nguyên vật liệu hình thành từ nguồn khác: Nguyên vật liệu nhận tặng thưởng, nhận viện trợ của các tổ chức, cá nhân, phế liệu thu hồi từ thanh lý tài sản cố định,...

❖ Phân loại theo mục đích sử dụng:

- Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích sản xuất: Là nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ cho chế tạo sản phẩm.

- Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích khác : Như nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất chung, cho nhu cầu bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp, nguyên vật liệu đem góp vốn liên doanh, liên kết, nguyên vật liệu đem quyên tặng,...

1.1.4.2 Tính giá nguyên vật liệu.

Tính giá nguyên vật liệu là một công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu. Tính giá nguyên vật liệu là việc dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định.

* Nguyên tắc tính giá nguyên vật liệu: Áp dụng Điều 04 chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 về hàng tồn kho được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính: “Hàng tồn kho được tính theo giá

gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được". Trong đó:

* *Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

* *Giá trị thuần có thể thực hiện được:* Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành. Như vậy phù hợp với chuẩn mực kế toán hàng tồn kho trong công tác hạch toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp, nguyên vật liệu được tính theo giá thực tế.

❖ Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Tính giá của nguyên vật liệu nhập kho tuân thủ theo nguyên tắc giá phí. Nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của vật liệu nhập kho được xác định khác nhau.

- *Đối với vật liệu mua ngoài*

Giá thực tế nhập kho	=	Giá mua ghi trên hoá đơn	+	Chi phí mua thực tế (Chi phí vận chuyển bốc xếp)	+	Các khoản thuế không được hoàn lại	-	Các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có)
----------------------	---	--------------------------	---	--	---	------------------------------------	---	---

Trong đó giá mua ghi trên hóa đơn được xác định như sau:

- Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là giá mua thực tế chưa bao gồm thuế GTGT đầu vào.

- Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì giá trị nguyên vật liệu mua vào là tổng giá thanh toán phải trả cho người bán (bao gồm cả thuế GTGT đầu vào).

• Các khoản thuế không được hoàn lại: Như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu,...

- *Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:*

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL thuê} \\ \text{ngoài gccb} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL xuất thuê} \\ \text{ngoài gccb} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thuê ngoài} \\ \text{gccb} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{vận chuyển, bốc} \\ \text{xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

- *Đối với vật liệu tự chế:*

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL tự chế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{sản xuất VL} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

- *Đối với vật liệu được cấp:*

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL được cấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá theo} \\ \text{biên bản giao nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển, bốc xếp,} \\ \text{bảo quản (nếu có)} \end{array}$$

- *Đối với vật liệu nhận góp vốn liên doanh:*

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của vật liệu} \\ \text{nhận góp vốn liên doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị vốn góp} \\ \text{do hđld đánh giá} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển,} \\ \text{bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

- *Đối với vật liệu được biếu tặng, viện trợ:*

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của vật liệu} \\ \text{được biếu tặng, viện trợ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thị trường} \\ \text{tại thời điểm nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển,} \\ \text{bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

- *Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất:*

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{phế liệu thu hồi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá có thể sử dụng lại} \\ \text{hoặc giá có thể bán} \end{array}$$

❖ Tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm, số lần nhập -

xuất nguyên vật liệu, trình độ của nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp. Theo Điều 13 chuẩn mực số 02 có 4 phương pháp tính giá xuất kho:

- Phương pháp giá thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân
- Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp nhập sau xuất trước

Ngoài ra trên thực tế còn có phương pháp giá hạch toán, phương pháp xác định giá trị tồn cuối kỳ theo giá mua lần cuối. Tuy nhiên khi xuất kho kế toán tính toán, xác định giá thực tế xuất kho theo đúng phương pháp đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

*** Phương pháp giá thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này, vật tư xuất thuộc lô nào theo giá nào thì được tính theo đơn giá đó. Phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Ưu điểm: Xác định được chính xác giá vật tư xuất, làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại.

Nhược điểm: Trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết vật liệu sẽ rất phức tạp.

*** Phương pháp bình quân:**

Theo phương pháp này, trị giá xuất của vật liệu bằng số lượng vật liệu xuất nhân với đơn giá bình quân. Đơn giá bình quân có thể xác định theo 1 trong 3 phương pháp sau:

- *Phương pháp bình quân cuối kỳ trước:*

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ}}{\text{Số lượng vật tư tồn đầu kỳ}}$$

Ưu điểm: Phương pháp này cho phép giảm nhẹ khối lượng tính toán của kế toán vì giá vật liệu xuất kho tính khá đơn giản, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình biến động của vật liệu trong kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác của việc tính giá phụ thuộc tình hình biến động giá cả nguyên vật liệu. Trường hợp giá cả thị trường nguyên vật liệu có sự biến động lớn thì việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp này trở nên thiếu chính xác.

- *Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ*:

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật tư nhập trong kỳ}}{\text{S.lượng vật tư tồn đầu kỳ} + \text{S.lượng vật tư nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư và số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng danh điểm vật tư.

Nhược điểm: Dồn công việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác.

- *Phương pháp bình quân liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập)*:

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập VL, kế toán tính đơn giá bình quân sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và lượng VL xuất để tính giá VL xuất.

$$\text{Đơn giá BQ sau lần nhập n} = \frac{\text{Trị giá VT tồn trước lần nhập n} + \text{Trị giá VT nhập lần n}}{\text{S.lượng VT tồn trước lần nhập n} + \text{S.lượng VT nhập lần n}}$$

Phương pháp này nên áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư và số lần nhập của mỗi loại không nhiều.

Ưu điểm: Phương pháp này cho giá VL xuất kho chính xác, phản ánh kịp thời sự biến động giá cả, công việc tính giá được tiến hành đều đặn.

Nhược điểm: Công việc tính toán nhiều và phức tạp, chỉ thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng kế toán máy.

****Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)***

Phương pháp này được thực hiện như sau: Lô hàng nguyên vật liệu nào được nhập kho trước sẽ được xuất dùng trước. Hàng tồn kho cuối kỳ là hàng mới nhất. Do vậy, giá hàng xuất dùng được tính hết theo giá thực tế của lần nhập trước, xong mới đến lần nhập sau. Nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá tồn kho cao, hàng xuất thấp, chi phí kinh doanh giảm, lợi nhuận tăng và ngược lại.

Ưu điểm: Cho phép kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời. Phương pháp này cung cấp một sự ước tính hợp lý về giá trị vật liệu cuối kỳ.

Nhược điểm: Các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành. Doanh thu hiện hành có được là do chi phí nguyên vật liệu nói riêng và hàng tồn kho nói chung vào kho từ trước. Như vậy chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu.

****Phương pháp Nhập sau – Xuất trước (LIFO)***

Phương pháp nhập sau - xuất trước áp dụng dựa trên giả định là nguyên vật liệu được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ là nguyên vật liệu được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị nguyên vật liệu xuất kho được tính theo giá của lô nguyên vật liệu nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của nguyên vật liệu tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này cũng được áp dụng đối với các doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều. Phương pháp này thích hợp trong thời kỳ giảm phát.

Ưu điểm: Đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu. Làm cho thông tin về thu nhập và chi phí của doanh nghiệp có lợi về thuế nếu giá cả vật tư có xu hướng giảm, khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế.

Nhược điểm: Phương pháp này làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong kỳ lạm phát và giá trị vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.2.1 Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc theo dõi, ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng thứ nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi tiết để quản trị từng danh điểm vật tư.

Trong thực tế công tác kế toán hiện nay ở nước ta nói chung và ở các doanh nghiệp công nghiệp nói riêng đang áp dụng một trong ba phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu sau: Phương pháp thẻ song song, phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển, phương pháp sổ số dư.

1.2.1.1 Phương pháp thẻ song song.

- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng. Thẻ kho do phòng kế toán lập và lập cho từng loại nguyên vật liệu. Sau ghi đã ghi đầy đủ các yếu tố của các phần: Tên, nhãn hiệu, quy cách, danh điểm, định mức dự trữ... kế toán giao cho thủ kho.

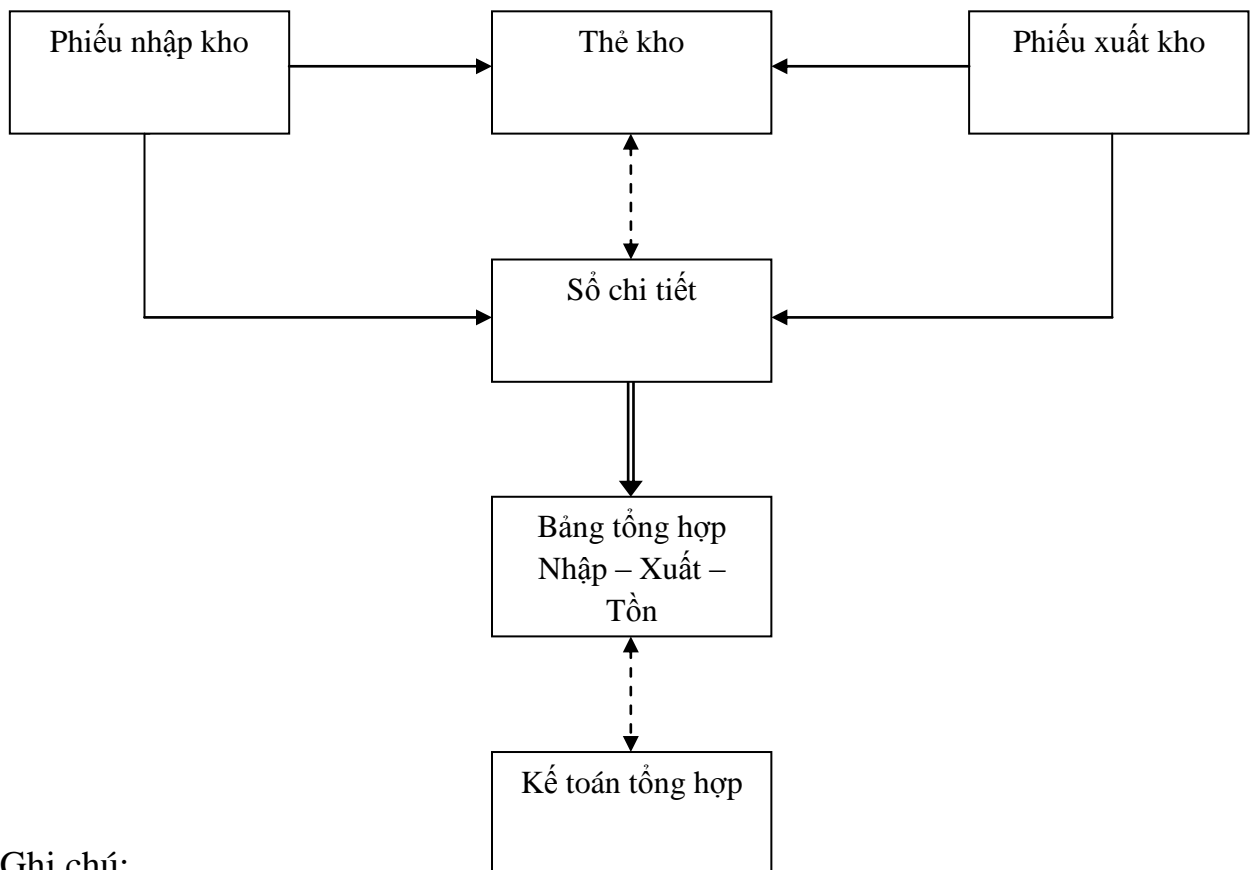
Thẻ kho phải được sắp xếp theo từng loại, từng nhóm và từng thứ tự để tiện cho việc quản lý.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của từng chứng từ rồi thực hiện việc nhập, xuất và ghi số thực nhập, thực xuất vào chứng từ. Cuối ngày phân loại chứng từ rồi tính ra số tồn kho và ghi vào thẻ kho, lập phiếu giao nhận chứng từ và luân chuyển cho phòng kế toán.

- Tại phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Về cơ bản, sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu có kết cấu giống như thẻ kho nhưng có thêm các cột để ghi chép theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Cuối tháng kế toán cộng sổ chi tiết vật liệu và kiểm tra đối chiếu với thẻ kho. Ngoài ra để có số liệu đối chiếu, kiểm tra

với kế toán tổng hợp cần phải tổng hợp số liệu chi tiết từ các sổ chi tiết vào các bảng tổng hợp. Có thể khái quát trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 01: Quá trình hạch toán theo phương pháp thẻ song song.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu.

Nhược điểm: Việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán còn trùng lặp các chỉ tiêu về số lượng. Ngoài ra việc kiểm tra đối chiếu các yếu tố tiến hành vào cuối tháng.

Phạm vi áp dụng: Thích hợp với các doanh nghiệp ít chủng loại vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập, xuất.

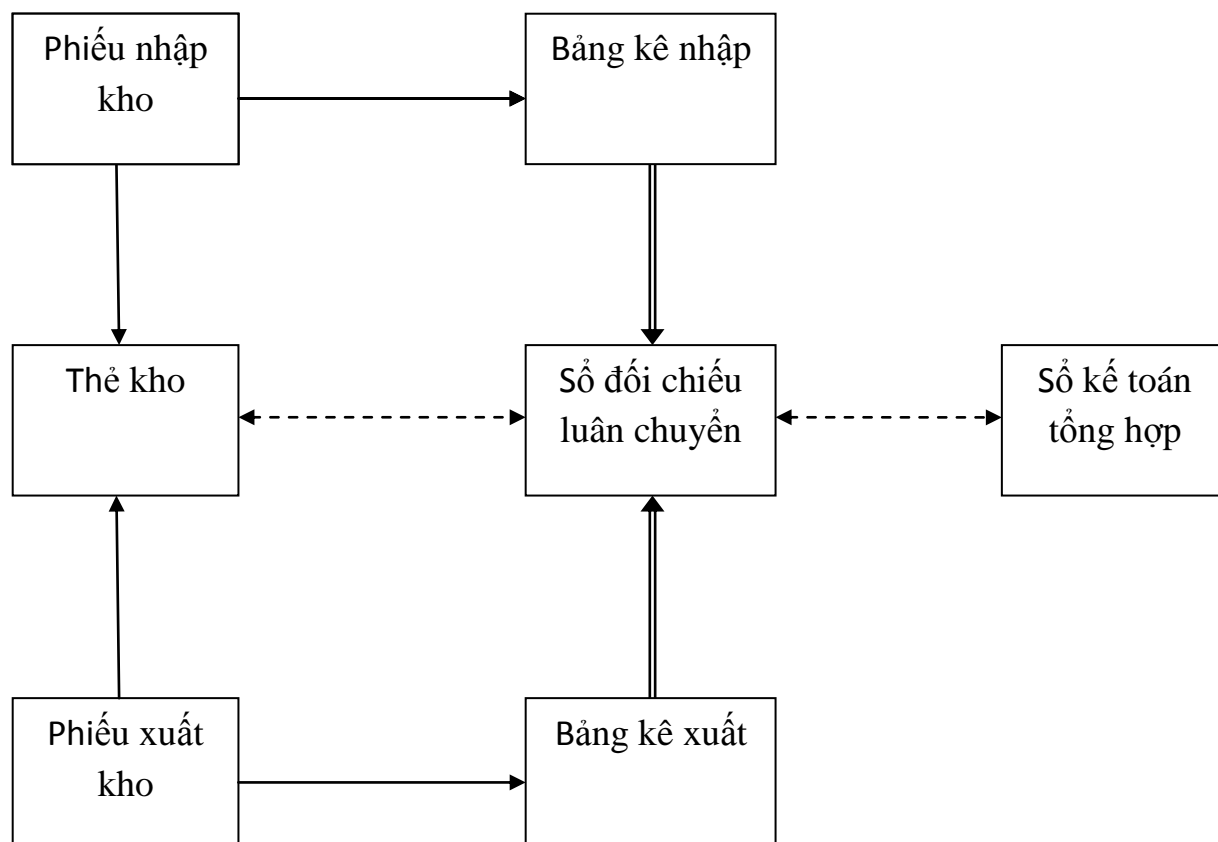
1.2.1.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

Đối với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm nguyên vật liệu và số lượng chứng từ nhập xuất không nhiều thì phương pháp thích hợp là phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

- Tại kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập - xuất - tồn nguyên vật liệu về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho, thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật liệu. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập - xuất - tồn tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm.

- Tại phòng kế toán: Kế toán NVL sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép phản ánh tổng hợp số NVL luân chuyển trong tháng và số tồn kho cuối tháng của chỉ tiêu số lượng và số tiền. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở và được dùng cho cả năm, mỗi loại NVL được ghi một dòng trong sổ và ghi một lần vào cuối tháng. Cuối kỳ trên cơ sở phân loại chứng từ nhập xuất theo từng danh điểm NVL và từng kho kế toán lập Bảng kê nhập nguyên vật liệu, Bảng kê xuất nguyên vật liệu, và dựa vào bảng kê này để ghi theo số lượng và giá trị vào sổ đối chiếu luân chuyển. Dòng cộng cuối kỳ của sổ đối chiếu luân chuyển được đối chiếu với số liệu kế toán tổng hợp vật liệu (Sổ Cái).

Sơ đồ 02: Trình tự kế toán nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Phương pháp này vẫn còn ghi sổ trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng, việc kiểm tra, đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

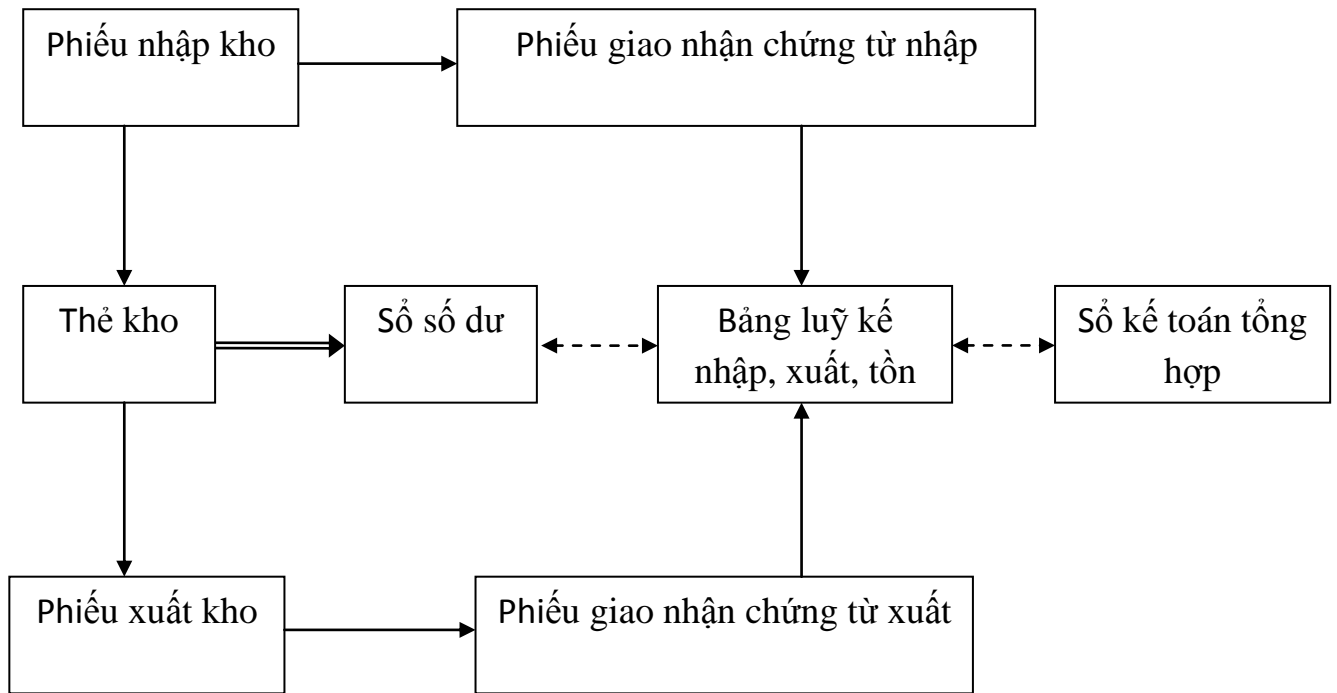
Phạm vi áp dụng: Thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại NVL ít, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày phương pháp này thường ít áp dụng trong thực tế.

1.2.1.3 Phương pháp sổ luân chuyển số dư.

- Tại kho: Hằng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ xong, thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho phát sinh trong ngày, trong kỳ và phân loại theo từng nhóm chi tiết cho nguyên vật liệu theo quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ trong đó ghi số lượng, số liệu chứng từ của từng nhóm nguyên vật liệu và giao cho phòng kế toán kèm theo từng danh mục vào sổ số dư. Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và ghi cả năm, cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ, ghi xong thủ kho phải chuyển trả cho phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền cho nguyên vật liệu.

- Tại phòng kế toán: Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho của thủ kho, kế toán kiểm tra chứng từ, ghi giá hạch toán và tính thành tiền cho nguyên vật liệu. Tổng cộng số tiền trên chứng từ nhập, xuất kho theo từng nhóm nguyên vật liệu để ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ, căn cứ vào phiếu này ghi vào Bảng nhập - xuất - tồn. Bảng này mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, ghi trên cơ sở chứng từ nhập - xuất. Cuối tháng tính ra số tồn kho trên Bảng kê nhập - xuất - tồn. Số liệu tồn kho của từng nhóm vật liệu sử dụng để đối chiếu với sổ số dư và đối chiếu với kế toán tổng hợp theo từng nhóm.

Sơ đồ 03: Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇐⇐

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <--->

Ưu điểm: Hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu kế toán kịp thời, chính xác.

Nhược điểm: Khi thực hiện phương pháp này thì phức tạp hơn và phải nhiều bước, nhiều thủ tục.

Phạm vi áp dụng: Phương pháp này sử dụng cho các doanh nghiệp dùng giá hạch toán để hạch toán nguyên vật liệu nhập – xuất – tồn kho.

1.2.2 Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Để áp dụng yêu cầu của quản trị doanh nghiệp, kế toán nguyên vật liệu phải tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán trên cùng một cơ sở chứng từ theo chế độ kế toán quy định được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC 20/03/2006 của BTC. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu là sự ghi chép sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành, nguyên vật liệu thuộc hàng tồn kho. Do đó tình hình hiện có và tình hình biến động của chúng phụ thuộc vào doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hay kiểm kê định kỳ.

1.2.2.1 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, sự biến động tăng giảm về nguyên vật liệu một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên các tài khoản kế toán nguyên vật liệu được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm nguyên vật liệu. Vì vậy giá trị nguyên vật liệu trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế, nguyên vật liệu so sánh và đối chiếu với số liệu nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số nguyên vật liệu thực tế phải luôn phù hợp với số nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất (công nghiệp, xây lắp,...) và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có chất lượng cao.

❖ Tài khoản sử dụng

✓ Tài khoản 152 - “Nguyên liệu, vật liệu”: Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 152

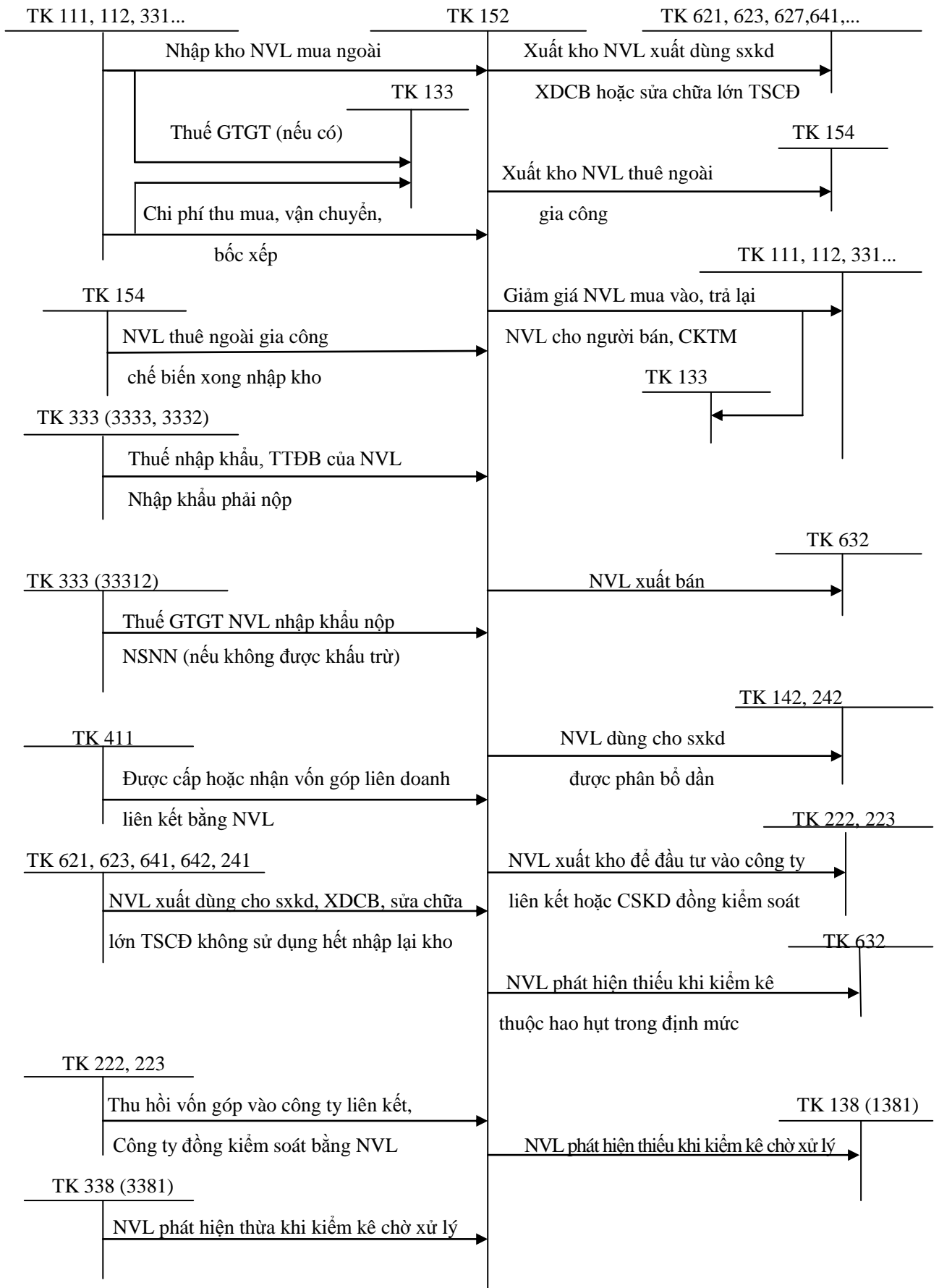
- Bên Nợ: Phản ánh các nghiệp vụ làm tăng nguyên vật liệu trong kỳ (mua ngoài, tự sản xuất, nhận góp vốn, phát hiện thừa...).
- Bên Có: Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm giảm nguyên vật liệu trong kỳ (xuất dùng, xuất bán, xuất góp vốn liên doanh, thiếu hụt...).
- Dư Nợ: Phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.
 - ✓ Tài khoản 151 - “Hàng mua đi đường”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của loại hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sử dụng của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 151

- Bên Nợ: Phản ánh giá trị vật tư, hàng hóa đang đi trên đường.
- Bên Có: Phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư đã nhập kho hoặc đã giao thẳng cho khách hàng.
- Số dư Nợ: Phản ánh trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đi trên đường.

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng

Sơ đồ 04: Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Trong bút toán nhập kho nguyên vật liệu có một số trường hợp đặc biệt sau:

- Trường hợp nguyên vật liệu và hóa đơn cùng về:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 133 - Thuế GTGT

Có TK 111, 112, 331

- Trường hợp nguyên vật liệu về chưa có hóa đơn: Nếu nguyên vật liệu về nhập kho nhưng hóa đơn chưa về thì chưa ghi sổ ngay mà lưu phiếu nhập kho vào cặp hóa đơn hàng chưa có hóa đơn. Nếu cuối tháng hóa đơn vẫn chưa về thì kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho ghi theo giá tạm tính:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 111, 112, 331

Sang tháng hóa đơn về thì kế toán tính và điều chỉnh giá ở tháng trước

- Nếu hóa đơn lớn hơn giá tạm tính

Nợ TK 152: Trị giá nguyên vật liệu điều chỉnh

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331: Tổng giá điều chỉnh

- Nếu giá hóa đơn nhỏ hơn giá tạm tính

Nợ TK 111, 112, 331

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Trường hợp hàng đang đi đường, doanh nghiệp nhận được hóa đơn (Hàng chưa về nhập kho). Kế toán chưa ghi sổ ngay mà lưu hóa đơn vào cặp hồ sơ “Hàng đi đường”.

Trong tháng nếu hàng chưa về nhập kho thì kế toán căn cứ hóa đơn và phiếu nhập kho ghi bình thường như trường hợp hàng và hóa đơn cùng về.

Cuối tháng mà hàng chưa về thì căn cứ vào hóa đơn kế toán ghi tăng giá trị hàng đi đường.

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi đường

Nợ TK 133 - Thuế GTGT

Có TK 111, 112, 331

Sang tháng sau khi hàng về về nhập kho:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 151 - Hàng mua đang đi đường

1.2.2.2 Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ không phản ánh thường xuyên liên tục tình hình nhập - xuất nguyên vật liệu trên tài khoản 152. Các tài khoản này chỉ phản ánh giá trị nguyên vật liệu trong kho ở đầu kỳ và cuối kỳ. Việc nhập - xuất nguyên vật liệu hàng ngày được phản ánh ở tài khoản 611 - “Mua hàng”. Cuối kỳ kiểm kê nguyên vật liệu sử dụng phương pháp cân đối để tính giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo công thức:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Trị giá vật} & & \text{Trị giá vật} & & \text{Trị giá vật} & & \text{Trị giá vật} \\ \text{tur xuất kho} & = & \text{tur} & + & \text{tur} & - & \text{tur} \\ & & \text{tồn đầu kỳ} & & \text{nhập trong kỳ} & & \text{kho cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư hàng hóa (nhập - xuất - tồn) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của nguyên vật liệu mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng (Tài khoản 611 - “Mua hàng”).

Công tác kiểm kê nguyên vật liệu được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị nguyên vật liệu tồn kho thực tế, trị giá nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ (tiêu dùng cho sản xuất hoặc xuất bán) làm căn cứ ghi sổ kế toán của tài khoản 611 - “Mua hàng”.

Như vậy khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, tài khoản kế toán phản ánh nguyên vật liệu chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán để phản ánh giá trị thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

❖ Tài khoản sử dụng

Để ghi chép vật tư theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán sử dụng TK 611 - “Mua hàng”, TK 151 - “Hàng đang đi đường”, TK 152 - “Nguyên liệu, vật liệu”...

- ✓ Tài khoản 611 - “Mua hàng” có kết cấu:

Bên Nợ:

- Kết chuyển trị giá thực tế vật tư tồn đầu kỳ.
- Trị giá thực tế của vật tư nhập trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển trị giá thực tế vật tư tồn cuối kỳ,
- Trị giá vật tư xuất trong kỳ cho các mục đích khác.
- Trị giá vật tư mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

- ✓ Tài khoản 152 - “Nguyên liệu, vật liệu”: Dùng để phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho, chi tiết cho từng loại.

Bên Nợ: Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Bên Có: Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

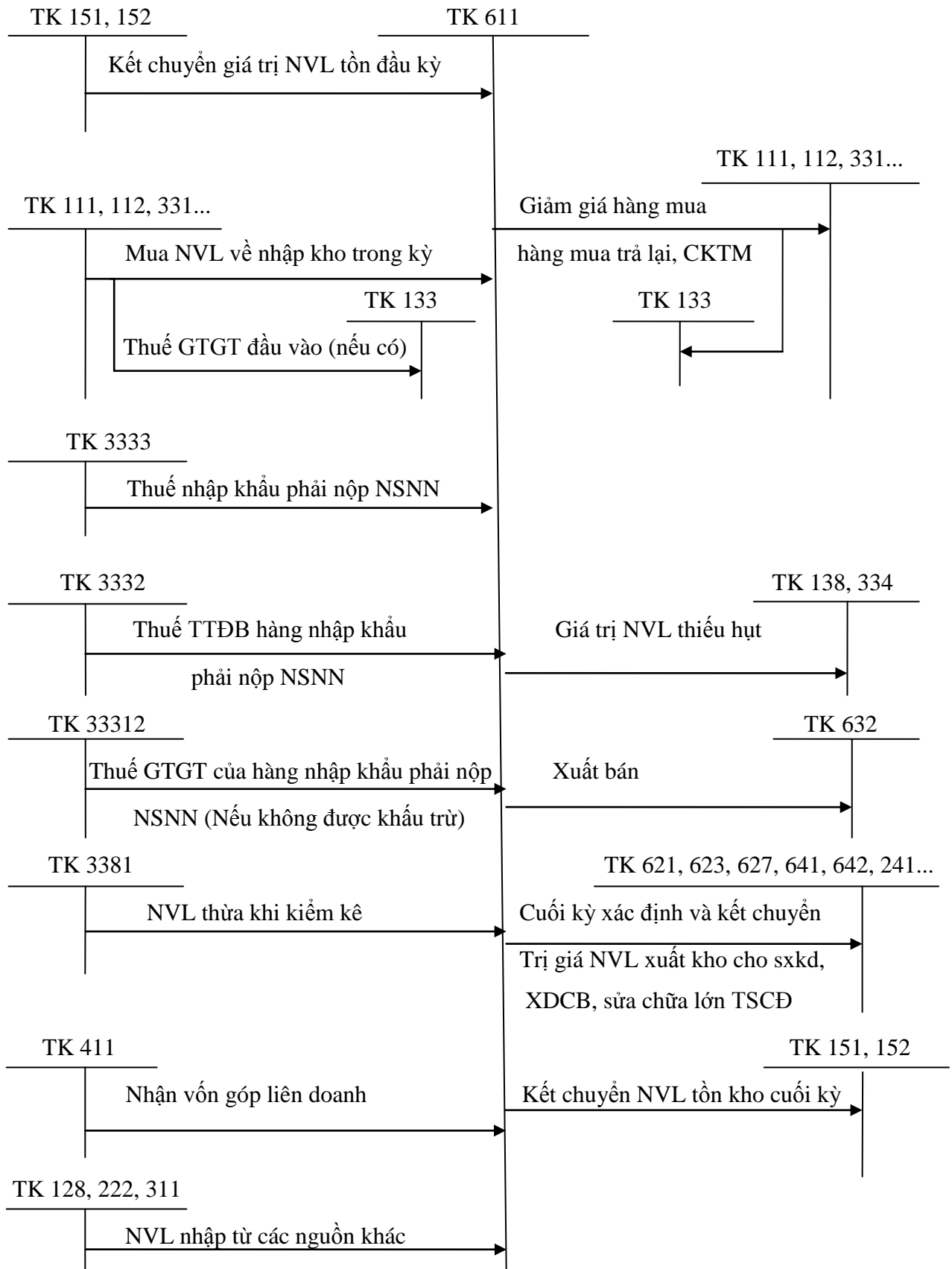
- ✓ Tài khoản 151: “Hàng mua đang đi đường”.

Bên Nợ: Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi trên đường cuối kỳ.

Bên Có: Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác liên quan như: 133, 331, 111, 112...

Sơ đồ 05: Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.2 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- ❖ Nguyên tắc hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng đáng tin cậy thu thập tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có thời điểm ước tính. Ngoài ra khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Nguyên vật liệu dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc, nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Cách xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Theo Thông tư số 89 về hướng dẫn thực hiện 4 chuẩn mực kế toán, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần của hàng tồn kho có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng

tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Theo quy định hiện hành của chế độ kế toán tài chính thì dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính, nhằm ghi nhận bộ phận giá trị thực tính giảm sút so với giá gốc (giá thực tế của hàng tồn kho) nhưng chưa chắc. Qua đó, phản ánh được giá trị thực hiện thuần túy của hàng tồn kho trên báo cáo tài chính.

$$\text{Giá trị thực hiện thuần túy của hàng tồn kho} = \text{Giá gốc của hàng tồn kho} - \text{Dự phòng giảm giá hàng tồn kho}$$

Dự phòng giảm giá được lập cho các loại nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất, các loại vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho để bán mà giá trên thị trường thấp hơn thực tế đang ghi sổ kế toán. Những loại vật tư, hàng hóa này là mặt hàng kinh doanh, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, có chứng cứ hợp lý, chứng minh giá vốn vật tư, hàng tồn kho. Công thức xác định mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

$$\text{Mức dự phòng cần lập năm tới cho hàng tồn kho} = \text{Số lượng hàng tồn kho cuối niên độ} \times \text{Mức giảm giá của hàng tồn kho}$$

❖ Tài khoản sử dụng

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 - “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có bằng chứng đáng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Kết cấu của TK 159 như sau:

- Bên Nợ: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng trong kỳ.
- Số dư cuối bên Có: Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

❖ Phương pháp hạch toán

Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:
Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán.

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (bổ sung thêm) như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch (hoàn nhập) như sau:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho).

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG.

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

Tiền thân của Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng là nhà máy xi măng Hải Phòng được khởi công xây dựng vào ngày 25 tháng 12 năm 1899 trên vùng ngã ba sông Cấm và kênh đào Hạ Lý Hải Phòng. Đây là nhà máy xi măng lớn đầu tiên tại Đông Dương được người Pháp khởi công xây dựng. Trong thời kỳ Pháp thuộc xi măng Hải Phòng là cơ sở duy nhất ở Đông Dương sản xuất xi măng phục vụ chính cho chính sách khai thác thuộc địa của thực dân. Đến năm 1955, chính phủ cách mạng tiếp quản và đưa vào sử dụng, sản lượng cao nhất trong thời kỳ Pháp thuộc là 39 vạn tấn. Đến năm 1961 nhà máy khởi công xây dựng mới 2 dây chuyền lò quay. Đến năm 1964 với toàn bộ dây chuyền 7 lò quay nhà máy đã sản xuất được 592.055 tấn xi măng, là mức cao nhất trong những năm hoà bình xây dựng. Với sự giúp đỡ của nước bạn Rumani năm 1969 nhà máy sửa chữa và xây dựng được 3 lò nung mới. Thời kỳ này sản lượng cao nhất là 67 vạn tấn. Tháng 8 năm 1993, theo quyết định của nhà nước sáp nhập nhà máy xi măng Hải Phòng với số vốn điều lệ là 76.911.593 triệu với ngành nghề sản xuất, kinh doanh xi măng, vận tải, sửa chữa, khai thác đá.

Năm 1997 do dây chuyền sản xuất xi măng đã quá lạc hậu, bụi xi măng làm ảnh hưởng đến môi trường Thành phố, Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng được Chính phủ Quyết định cho chuyển đổi sản xuất, đầu tư xây dựng Nhà máy mới tại vùng đất Tràng Kênh - Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng

Ngày 30/11/2005 lò nung Clinker của Nhà máy xi măng Hải Phòng mới hoàn thành đưa vào sản xuất. Ngày 24/1/2006 lò nung nhà máy cũ dừng hoạt động.

Ngày 12/5/2006, hệ thống nghiền đóng bao của nhà máy mới hoàn thành đưa vào sản xuất, dây chuyền nhà máy mới đi vào hoạt động đồng bộ. Ngày 31/5/2006 hệ thống nghiền xi măng Nhà máy cũ dừng hoạt động. Theo thông báo số 866/XMHP-KH ngày 27/5/2006, Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng quyết định chấm dứt toàn bộ hoạt động sản xuất tại Nhà máy cũ tại số 01 đường Hà Nội - TP Hải Phòng.

Hiện nay công ty đang triển khai thực hiện các phương án để mở rộng thị trường nhằm tiêu thụ hết công suất 1,4 triệu tấn năm.

Bảng 01: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1	Doanh thu thuần về BH và CCDV	776.970.623.901	907.687.187.960	1.371.990.420.390
2	Giá vốn hàng bán	569.197.846.282	667.812.865.293	1.037.773.954.899
3	Lợi nhuận gộp	207.014.705.736	239.874.322.667	308.153.614.891
4	Doanh thu HĐTC	24.252.738.641	4.998.625.274	2.015.331.871
5	Chi phí TC	98.772.038.676	102.807.103.081	99.434.663.259
6	Lợi nhuận thuần	29.081.739.823	-3.966.542.312	7.965.930.752
7	Lợi nhuận khác	4.721.371.604	3.966.542.312	6.207.622.534
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.803.111.427	0	14.173.553.286

Qua đó ta có thể thấy doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn của Công ty tăng lên rõ rệt qua các năm. Điều đó chứng tỏ hoạt động sản xuất sản phẩm của công ty ngày càng có hiệu quả và cần phát huy hơn nữa trong thời gian tới.

2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

2.1.2.1 Ngành nghề sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam được thành lập theo quyết định số 353/BXD-TCLĐ ngày 09/08/1993 của Bộ trưởng bộ Xây dựng, đăng ký kinh doanh số 108194 ngày 15/9/1993 của Trọng tài kinh tế Nhà nước thành phố Hải Phòng.

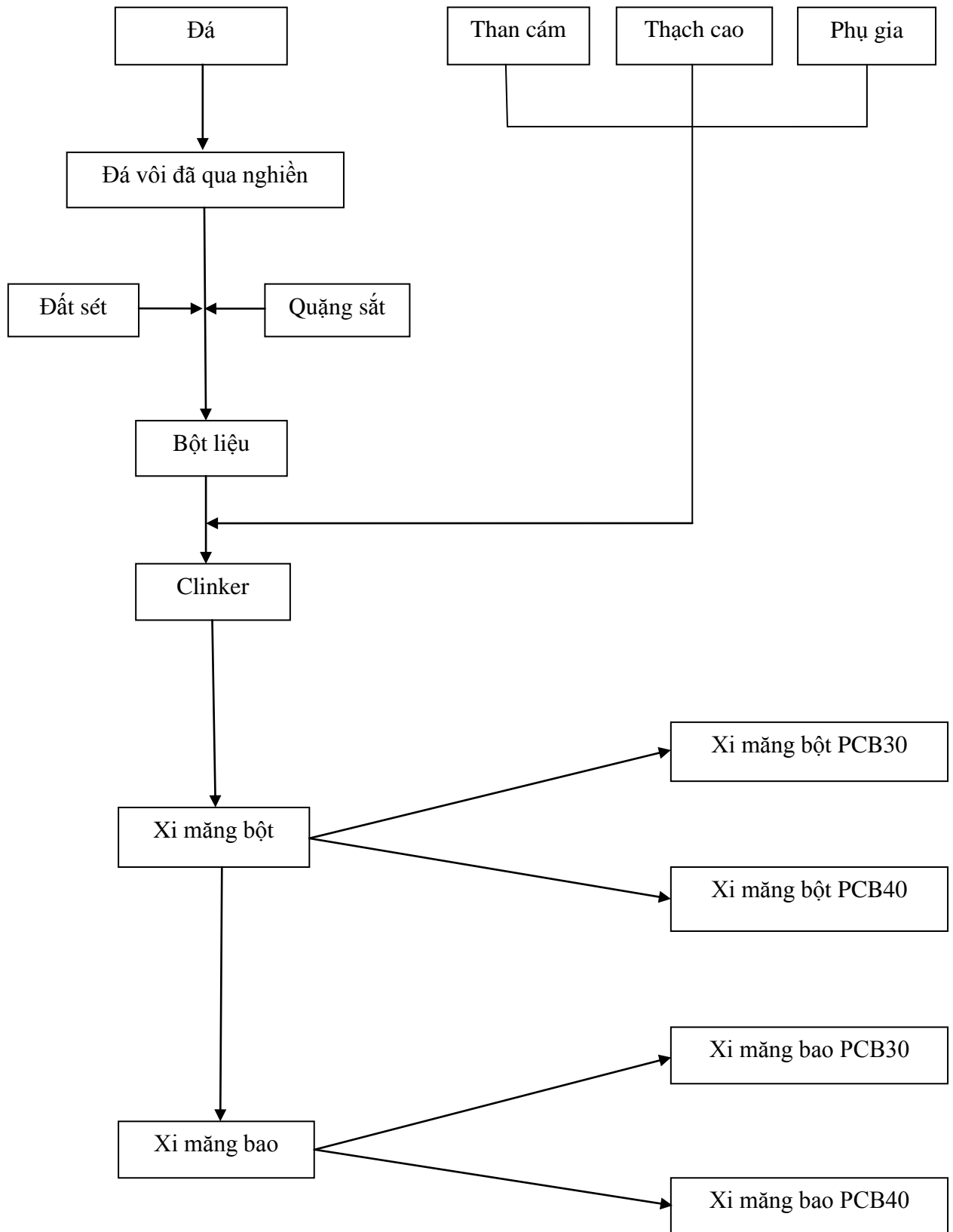
* Trụ sở: Tràng Kênh - Minh Đức - Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

* Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh: Sản xuất cung ứng xi măng và khai thác đá.

* Sản phẩm sản xuất gồm: Xi măng đen Porland PCB30, PCB40 biểu tượng “Con rồng xanh” sử dụng cho các công trình xây dựng.

2.1.2.2 Quy trình sản xuất tại công ty.

Sơ đồ 06: Quy trình công nghệ sản xuất của Công ty TNHH một thành viên VICEM xi măng Hải Phòng



Một số hình ảnh về sản phẩm xi măng:

A: Mẫu vỏ bao



B: Sản phẩm xi măng VICEM Hải Phòng



C: Lò sản xuất xi măng



D: Dây chuyền đóng gói sản phẩm



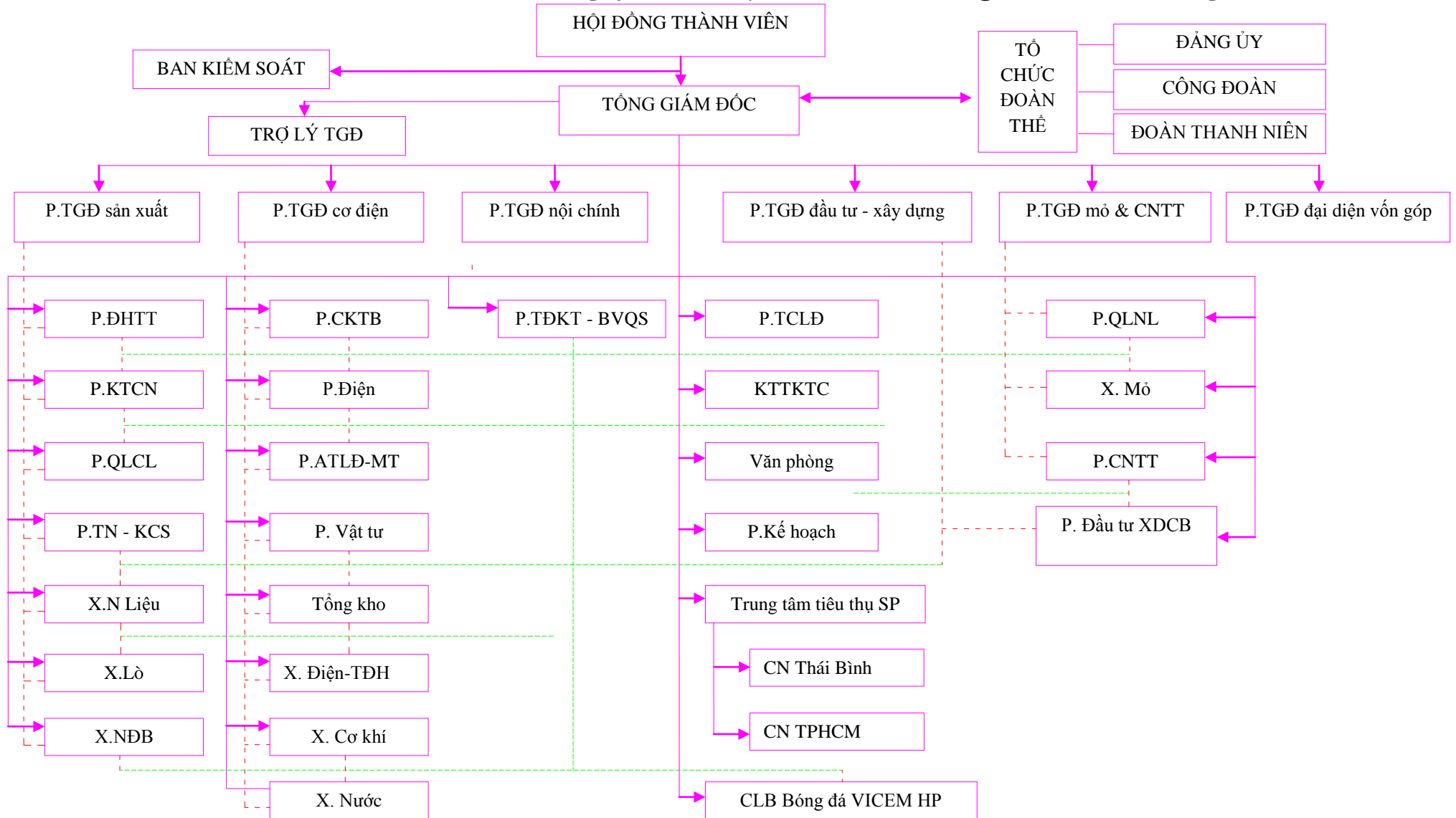
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

Tổ chức bộ máy quản lý là một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng. Bộ máy quản lý chặt chẽ, có nhiều kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển của Công ty.

Hiện nay, mô hình cơ cấu tổ chức của công ty được thực hiện theo cơ cấu trực tuyến, thể hiện theo sơ đồ sau :

Sơ đồ 07: Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng



2.1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.

Các phòng ban đơn vị chức năng có nhiệm vụ giúp đỡ Ban lãnh đạo Công ty trong việc quản lý, tổng hợp thông tin, đề xuất ý kiến, triển khai thực hiện công việc cụ thể được giao cho đơn vị mình nhằm hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ đảm bảo tiến độ và chất lượng. Chức năng nhiệm vụ cụ thể của một số phòng ban:

- Hội đồng thành viên: Nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

- Ban kiểm soát: Kiểm soát toàn bộ hệ thống tài chính và việc thực hiện các quy chế của công ty, kiểm tra bất thường, can thiệp vào hoạt động công ty khi cần.

- Ban giám đốc:

- + Điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các hoạt động hàng ngày khác của Công ty. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- + Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị. Thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.

- + Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty như bổ nhiệm, miễn nhiệm, đề xuất cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên bổ nhiệm. Ngoài ra còn phải thực hiện các nhiệm vụ khác và tuân thủ một số nghĩa vụ của người quản lý Công ty theo Luật pháp quy định.

- Các phòng ban :

- + Phòng điều hành trung tâm: Quản lý tài sản lao động, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức vận hành cục bộ riêng lẻ hay đồng bộ các thiết bị máy móc của từng công đoạn trong dây chuyền sản xuất chính.

- + Phòng kĩ thuật công nghệ: Giúp TGD quản lý chuyên sâu về lĩnh vực công nghệ, tiến bộ kỹ thuật để tổ chức sản xuất các chủng loại xi măng.

+ Phòng thí nghiệm KCS: Là phòng thí nghiệm để kiểm tra, đánh giá chất lượng sản xuất xi măng trên dây chuyền sản xuất của Công ty. Quản lý chất lượng vật tư đầu vào, chất lượng các bán thành phẩm, các chủng loại xi măng xuất xưởng, giải quyết tranh chấp chất lượng hàng hóa.

+ Phòng điện: Giúp TGD và P.TGD cơ điện quản lý chuyên sâu về kỹ thuật cơ điện trong xây dựng lắp đặt mới, sửa chữa bảo dưỡng, vận hành MMTB cơ - điện nhằm đảm bảo các thiết bị cơ điện hoạt động bình thường, ổn định, chạy dài ngày phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

+ Phòng an toàn lao động - môi trường: Giúp Ban lãnh đạo Công ty về công tác vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và môi trường.

+ Phòng vật tư: Tham mưu cho Ban lãnh đạo về hoạt động mua sắm và tiếp nhận vật tư thiết bị, phụ tùng và nguyên nhiên vật liệu, hàng hóa đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Phòng thi đua khen thưởng - bảo vệ quân sự (BVQS): Tham mưu cho Đảng bộ - TGD Công ty xây dựng các kế hoạch, phương án bảo vệ an ninh chính trị, trật tự trị an, bảo vệ tài sản của công ty, xây dựng và tổ chức hoạt động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Phòng tổ chức lao động: Có chức năng quản lý tổ chức lao động, đào tạo pháp chế, tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động nhằm phục vụ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

+ Phòng kế toán thống kê tài chính: Là phòng nghiệp vụ có chức năng quản lý tài chính và giám sát mọi hoạt động kinh tế, tài chính trong công ty, tổ chức chỉ đạo và thực hiện toàn bộ công tác kế toán, thống kê thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế. Kiểm soát kinh tế Nhà nước tại công ty thông qua công tác thống kê, kế toán các hoạt động kinh tế của đơn vị, giúp TGD chỉ đạo sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tốt nhất.

+ Phòng kế hoạch: Tổng hợp tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Đôn đốc và giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt kế hoạch cao nhất.

+ Văn phòng: Là phòng tham mưu giúp Ban giám đốc quản lý tổ chức thực hiện các lĩnh vực công tác: Văn thư - lưu trữ, quản trị, văn hóa thông tin.

+ Trung tâm tiêu thụ sản phẩm (Chi nhánh Thái Bình, Chi nhánh TP HCM): Là phòng nghiệp vụ tham mưu cho TGD và chịu sự điều hành trực tiếp của P.TGD về công tác kinh doanh tiêu thụ sản phẩm.

- 4 phân xưởng chính :

+ Phân xưởng nguyên liệu: Quản lý toàn bộ tài sản, vật tư, lao động tổ chức vận hành các thiết bị từ trạm đá vôi, đá sét, hệ thống thiết bị vận chuyển đến kho đồng nhất, hệ thống cấp phụ gia điều chỉnh nguyên vật liệu.

+ Phân xưởng mỏ: Khai thác và chế biến cung cấp các loại đá như đá hộc, đá nhỏ.

+ Phân xưởng lò: Quản lý thiết bị tại công đoạn lò, tham gia sản xuất ra sản phẩm Clinker theo kế hoạch của công ty giao, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Phân xưởng nghiền đóng bao: Quản lý toàn bộ tài sản, lao động để phối hợp với phòng điều hành trung tâm tổ chức vận hành hệ thống thiết bị từ khâu vận chuyển Clinker, thạch cao, phụ gia tới thiết bị nghiền, vận chuyển xi măng bột vào két chứa đồng, đóng bao xi măng đồng thời phối hợp với phòng kinh doanh để tổ chức xuất hàng ra bán.

- 3 phân xưởng phụ trợ:

+ Phân xưởng cơ khí: Có chức năng gia công, chế tạo, sửa chữa phục hồi các máy móc thiết bị thuộc lĩnh vực cơ khí nhằm đảm bảo các thiết bị hoạt động ổn định, an toàn đạt hiệu quả cao nhất.

+ Phân xưởng điện tự động hoá: Quản lý toàn bộ tài sản và tổ chức vận hành, sửa chữa các thiết bị thuộc hệ thống cung cấp điện, hệ thống máy lạnh và hệ thống đo lường điều khiển đảm bảo cung cấp điện cho các thiết bị hoạt động đồng bộ, an toàn với năng suất chất lượng và hiệu quả cao.

+ Phân xưởng nước sửa chữa công trình: Quản lý toàn bộ tài sản hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của CBCNV trong nội bộ công

ty. Tổ chức sửa chữa nhỏ vật kiến trúc trong công ty, sửa chữa lò nung Clinker và thực hiện công tác vệ sinh công nghiệp mặt bằng toàn công ty.

- Tổng kho: Quản lý, cấp phát, thu hồi vật tư, bảo quản thiết bị, phụ tùng, nguyên vật liệu và các mặt hàng khác phục vụ cho SXKD.

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

Do hoạt động trên địa bàn rộng, qui mô sản xuất lớn tổ chức sản xuất kinh doanh thành nhiều bộ phận xí nghiệp, chi nhánh với nhiệm vụ chính là: Sản xuất, cung ứng xi măng, bao bì và khai thác đá nên công ty đã lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán vừa tập trung vừa phân tán, rất phù hợp với điều kiện của công ty.

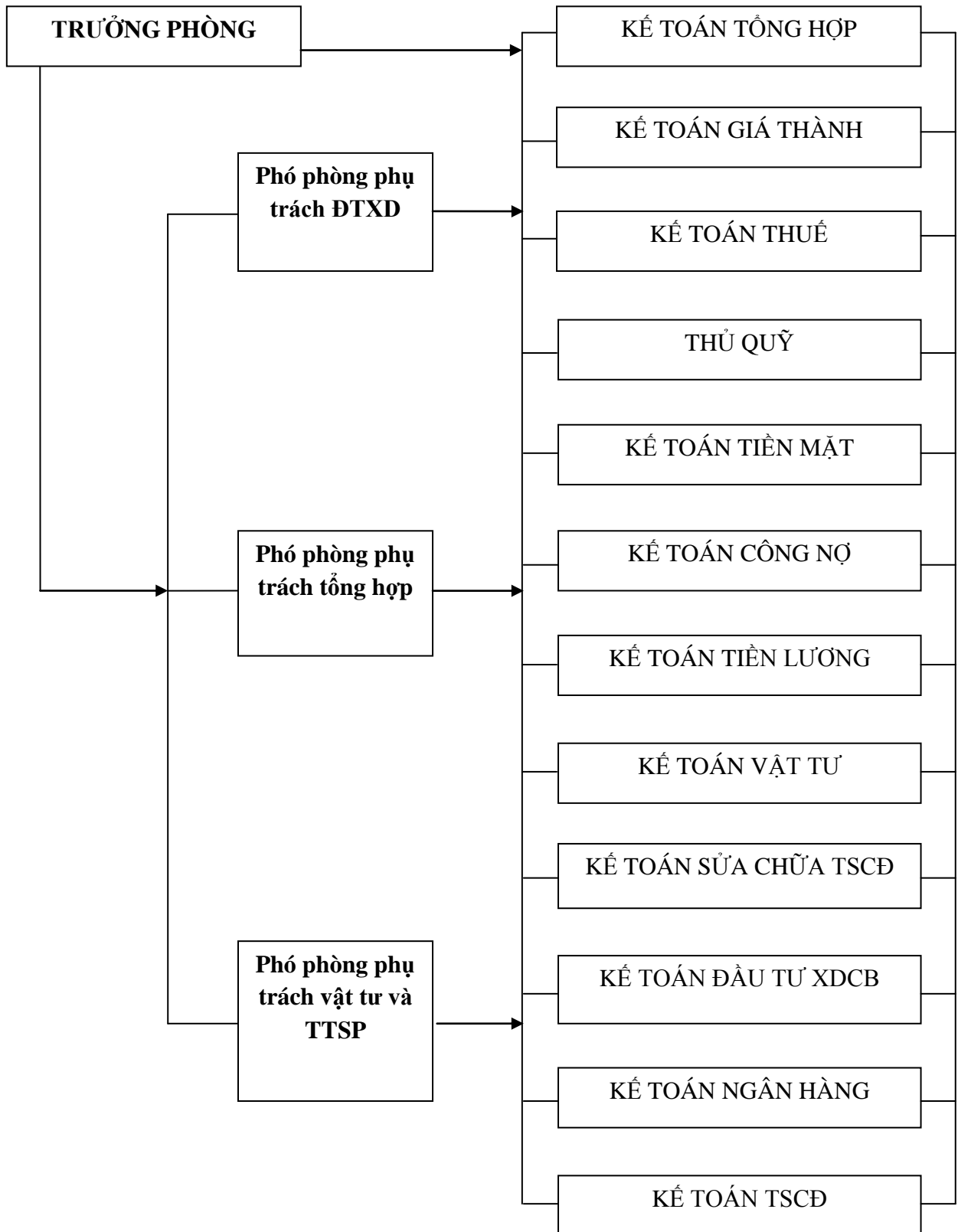
Công việc kế toán các hoạt động sản xuất kinh doanh ở các bộ phận, chi nhánh xa văn phòng có thể sẽ được công ty phân cấp cho bộ phận kế toán ở các bộ phận, chi nhánh đó thực hiện, định kỳ tổng hợp số liệu gửi về phòng kế toán trung tâm. Đối với bộ phận chi nhánh trực thuộc gần công ty thì toàn bộ công việc kế toán từ khâu thu thập, xử lý, luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán, phân tích kết quả kinh doanh đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán của công ty.

Phòng kế toán trung tâm thực hiện các nghiệp vụ chung toàn công ty trên cơ sở hệ thống máy tính được nối mạng với các máy của đơn vị phụ thuộc.

Bộ máy kế toán của Công ty năm 2011 được tổ chức như sau:

Đứng đầu là trưởng phòng kế toán: Chịu trách nhiệm cao nhất về công tác kế toán tài chính tại công ty. Dưới kế toán trưởng có 3 phó phòng kế toán: 1 người phụ trách mảng đầu tư và xây dựng, 1 người phụ trách về kế toán tổng hợp, 1 người phụ trách về vật tư và tiêu thụ sản phẩm.

Sơ đồ 08: Bộ máy kế toán Công ty TNHH một thành viên VICEM xi măng Hải Phòng



*** Chức năng và nhiệm vụ:**

❖ Kế toán trưởng:

✓ Nhiệm vụ của Kế toán trưởng:

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán trong đơn vị.
- Giúp người đại diện theo pháp luật của đơn vị giám sát tài chính tại đơn vị kế toán.
- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị.
- Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán.
- Lập Báo cáo tài chính.

✓ Kế toán trưởng có quyền:

- Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán.
- Yêu cầu các bộ phận có liên quan trong đơn vị kế toán cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc.
- Báo cáo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong đơn vị.

❖ Kế toán tổng hợp:

Tổng hợp quyết toán toàn công ty, lập báo cáo tài chính, tập hợp chi phí tính giá thành, kê khai quyết toán thuế, theo dõi tài sản cố định.

❖ Kế toán ngân hàng:

Theo dõi công nợ với ngân hàng, theo dõi và thanh toán vốn vay, tiền gửi ngân hàng, mua quản lý và cấp phát hóa đơn cho toàn công ty. Viết phiếu thu, phiếu chi, mở sổ theo dõi tiền mặt.

❖ Kế toán tiền lương và vật tư:

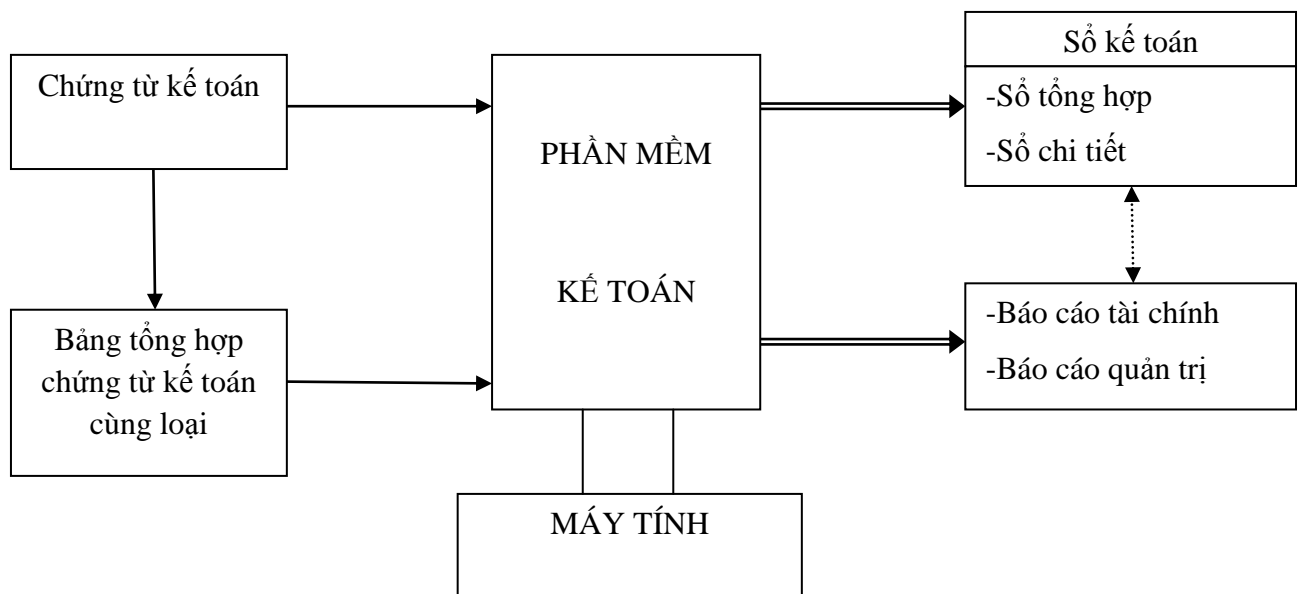
Theo dõi hạch toán hàng tồn kho, thống kê toàn công ty. Theo dõi thu nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, căn cứ vào bảng chấm công và đơn giá tiền lương để tính toán tiền lương cho toàn công ty.

* Một số chính sách kế toán của Công ty:

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ -BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.
- Hình thức sổ kế toán:

Hiện nay Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng đang áp dụng hình thức kế toán máy. Phần mềm kế toán công ty đang sử dụng là phần mềm Fast.

Sơ đồ 09: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

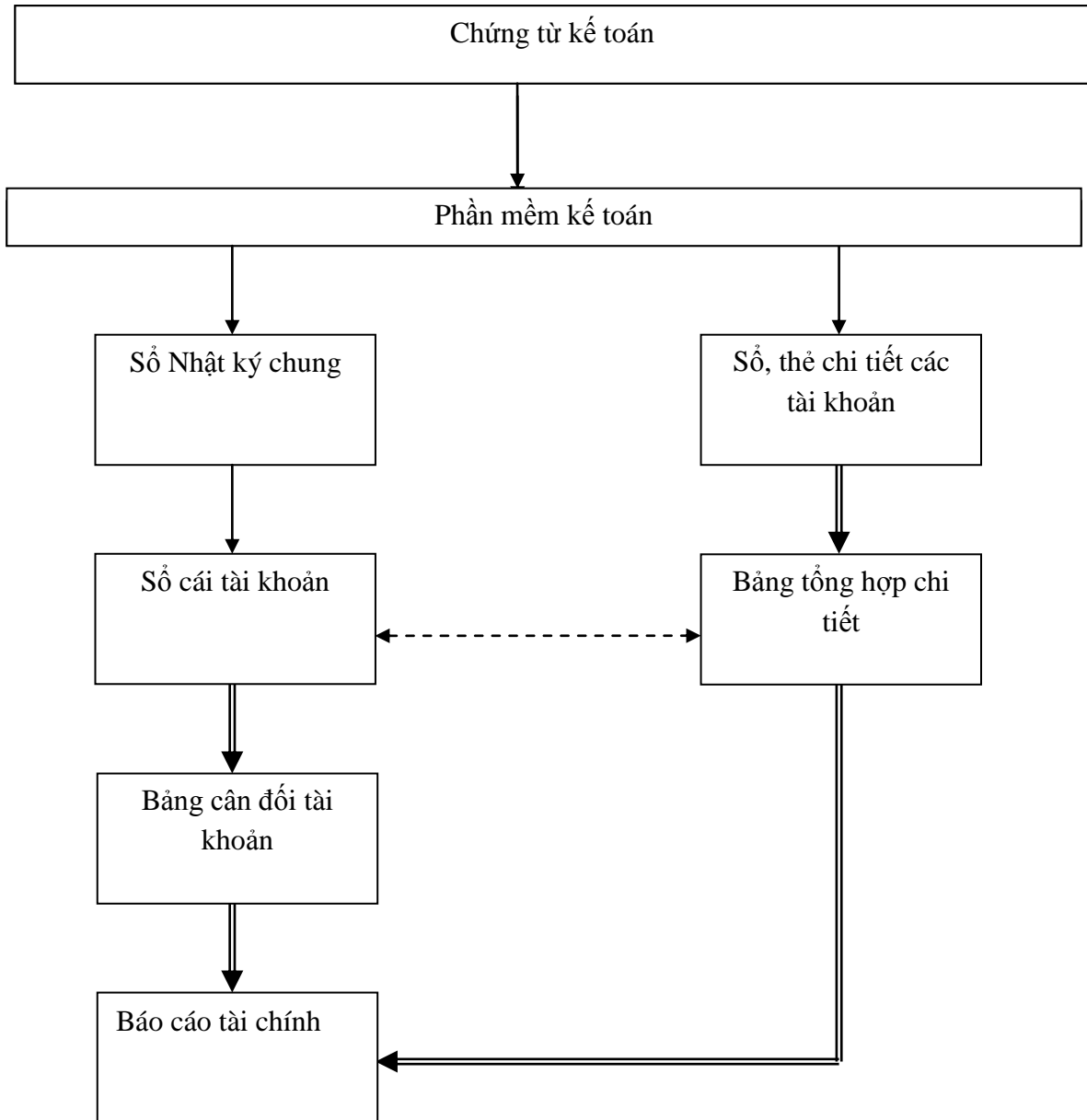


Hiện nay Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng đang sử dụng phần mềm kế toán Fast. Việc ứng dụng kế toán máy không những làm giảm nhẹ được khối lượng tính toán mà còn tăng được hiệu quả của công tác kế toán nói riêng, công tác quản lý tài chính nói chung. Kế toán chỉ cần thực hiện một số công việc như:

- Phân loại, bổ sung thông tin chi tiết vào chứng từ gốc
- Nhập dữ liệu từ chứng từ vào máy
- Kiểm tra, phân tích số liệu trên các sổ, báo cáo kế toán để có thể đưa ra quyết định phù hợp.

Máy tính sẽ tự động tính toán, ghi sổ kế toán chi tiết, tổng hợp, chuyển số liệu từ các sổ kế toán sang các báo cáo kế toán.

Sơ đồ109: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: →

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <-.->

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kinh tế phát sinh, kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm máy tính FAST. Theo chương trình cài đặt sẵn máy tính sẽ tự động xử lý số liệu ghi vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào các sổ, thẻ chi tiết. Từ Sổ Nhật ký chung máy tính sẽ tự động xử lý số liệu ghi vào các sổ cái liên quan.

(2) Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác trên máy tính tổng hợp số liệu từ các sổ, thẻ chi tiết lập các Bảng tổng hợp chi tiết. Từ các Sổ cái tổng hợp số liệu lập các Bảng tổng hợp cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết trên phần mềm kế toán thì kế toán tổng hợp số liệu lập Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.4.2 Tổ chức vận dụng chế độ kế toán tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

- Chế độ kế toán Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng áp dụng là chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006 - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam, đơn vị tính: Đồng.

- Hình thức kế toán sử dụng: Nhật ký chung.

- Phương pháp hạch toán Tài sản cố định:

+ Nguyên tắc đánh giá Tài sản cố định: Theo nguyên giá gốc.

+ Khấu hao Tài sản cố định: Phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng cả phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ.

+ Phương pháp kê khai thường xuyên được áp dụng đối với những vật tư dễ kiểm đếm, theo dõi chi tiết cho từng vật tư mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập, xuất vật tư.

+ Phương pháp kiểm kê định kỳ được áp dụng để theo dõi những vật tư để ngoài bạt bãi như đá, đất sét... Định kỳ tiến hành kiểm tra số lượng vật tư tại bãi.

- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Áp dụng theo phương pháp khấu trừ.

2.1.4.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

➤ Hệ thống chứng từ được sử dụng trong công ty

Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh hoàn thành. Hệ thống chứng từ của công ty được áp dụng đúng theo QĐ số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính ban hành, đồng thời sử dụng các chứng từ đặc trưng riêng để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Bao gồm:

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 – TT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – TT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu số 08 – TT)
- Hoá đơn GTGT

Ngoài ra các doanh nghiệp còn sử dụng các chứng từ liên quan khác căn cứ vào tình hình thực tế tại doanh nghiệp.

- Thông thường trong nghiệp vụ thu mua và nhập kho nguyên vật liệu thì phải dựa vào hoá đơn giá trị gia tăng (hoặc hoá đơn bán hàng, hoá đơn kiêm phiếu xuất kho) của bên bán và phiếu nhập kho của đơn vị.

- Hoá đơn giá trị gia tăng do bên bán lập ghi rõ số lượng hàng, từng loại hàng hoá, đơn giá và số tiền mà doanh nghiệp phải trả. Trường hợp không có hoá đơn thì bộ phận mua hàng phải lập phiếu mua hàng có đầy đủ chữ ký của những người liên quan làm căn cứ cho nghiệp vụ mua hàng và thanh toán tiền hàng.

- Phiếu nhập kho do bộ phận mua hàng lập trên cơ sở hoá đơn của người bán hay phiếu mua hàng. Thủ kho thực hiện nhập kho và ghi số lượng thực nhập vào ngày phiếu nhập kho.

- Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất, tồn kho NVL kế toán phải kiểm tra và phản ánh tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ NVL ở từng kho vào các sổ (thẻ) kế toán chi tiết cần thiết cả về mặt số lượng và giá trị. Sau đó tổng hợp và tính toán giá trị NVL xuất kho theo từng đối tượng sử dụng, mục đích sử dụng để lập định khoản và phản ánh vào các tài khoản có liên quan.

➤ Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng của công ty

Tài khoản kế toán dùng để phân loại, hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế, Tài chính theo nội dung kinh tế.

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán hiện hành theo quyết định số 15/2006 QĐ – BTC. Tùy theo hoạt động của từng ban công ty áp dụng các tài khoản cấp 2, cấp 3 để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng ban.

2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

❖ Hệ thống sổ sách và Báo cáo kế toán

- Hệ thống sổ kế toán:

Hệ thống sổ kế toán sử dụng để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Trên cơ sở chứng từ kế toán hợp lý, hợp pháp, sổ kế toán NVL phục vụ cho việc thanh toán chi tiết các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến NVL. Hiện nay doanh nghiệp đang áp dụng hình thức kế toán “ Nhật kí chung”. Bao gồm các loại sổ kế toán:

- Sổ, thẻ kế toán chi tiết nguyên vật liệu
- Sổ tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu
- Sổ Nhật kí chung
- Sổ cái

- Hệ thống báo cáo bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01 – DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (B02 – DN)

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B0 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (B09 – DN)

❖ Hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty

Hiện nay Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng đang áp dụng hình thức kế toán máy. Phần mềm kế toán công ty đang sử dụng là phần mềm Fast.

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

2.2.1 Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu.

2.2.1.1 Đặc điểm nguyên vật liệu.

Do đặc trưng của ngành công nghiệp sản xuất xi măng, vật liệu trong công ty nhiều về số lượng, phong phú về chủng loại và giá trị tương đối lớn. Chúng bao gồm những loại sẵn có trong tự nhiên như : Đá vôi, đất sét, đất Quy Khê, quặng sắt, than, thạch cao,... hoặc phải trải qua quá trình chế biến, sản xuất như : Clinker, dầu, bi đạn,... thậm chí có loại là phế liệu của các doanh nghiệp khác như xỉ. Mỗi loại vật liệu đều có những đặc tính lý hoá và giá trị khác nhau nhưng chúng đều là thành phần cấu tạo nên xi măng - loại vật liệu xây dựng có độ kết dính cao không thể thiếu trong ngành xây dựng. Sản xuất xi măng đen và xi măng trắng cần những loại vật liệu khác nhau về số lượng, chủng loại, thành phần hoá học.

Vật liệu trong công ty được nhập từ nhiều nguồn khác nhau bao gồm cả tự khai thác và mua sắm. Từ các mỏ đá lộ thiên ở Trảng Kênh, công ty tiến hành khai thác, sơ chế, tuyển lựa (công việc này do Xí nghiệp đá Trảng Kênh - đơn vị phụ thuộc của công ty đảm nhận) và đưa vào sản xuất như một nguyên liệu chính. Đất sét là loại nguyên liệu sẵn có ở bãi bồi sông Cấm, đất Quy Khê nhiều ở vùng Thủy Nguyên cũng đều do công ty tự khai thác. Đây là những nguyên liệu thiết yếu trong sản xuất xi măng, lại là nguồn tài nguyên dồi dào công ty có thể khai thác tại chỗ. Việc vận chuyển các vật liệu này về công ty đều qua con sông đào Thượng

Lý, bằng các phương tiện vận tải thủy. Đó là thế mạnh giúp công ty chủ động trong sử dụng vật liệu, góp phần hạ giá thành sản phẩm.

Ngoài việc tự khai thác nguồn nguyên liệu ở các vùng phụ cận, công ty còn tiến hành mua sắm vật liệu. Ở công ty, việc mua sắm vật liệu được thực hiện theo một trong các phương thức sau : Mua theo sự chỉ định của Tổng công ty, mua qua đấu thầu, mua trực tiếp.

Theo sự chỉ định của Tổng công ty xi măng Việt Nam, công ty mua thạch cao của Công ty kinh doanh thạch cao và mua than, xỉ Pirit của Công ty vật tư vận tải theo số lượng và giá cả qui định.

Phương thức mua trực tiếp chỉ được áp dụng trong trường hợp mua sắm hàng hoá đặc chủng, chuyên ngành cần đáp ứng gấp cho nhu cầu sản xuất mà trước đó các loại hàng hoá này đã được mua sắm qua đấu thầu hoặc trên thị trường chỉ có một đối tác cung cấp duy nhất sau khi đã báo cáo và được Tổng công ty cho phép.

Hầu hết các vật liệu khác công ty đều tự khai thác đối tác cung ứng thông qua đấu thầu mua sắm. Dưới đây là nguồn nhập của một số loại vật liệu :

Tên vật liệu	Đơn vị cung cấp
Quặng thứ sinh	Xí nghiệp xây dựng số 1 Kinh Môn
Khoáng hoá CaF ₂	Liên đoàn địa chất 10
Đá Cao lanh	Xí nghiệp xây dựng số 1 Quảng Ninh
Than chất bốc	Xí nghiệp than 45
Xỉ lò cao	Công ty TNHH 27/7 Ninh Bình

Nhìn chung các vật liệu sử dụng trong công ty đều có sẵn trên thị trường. Việc mua sắm vật liệu ở công ty đều được thực hiện trên cơ sở các hợp đồng kinh

tế. Các hợp đồng kinh tế thường được ký theo năm nên nguồn nhập vật liệu ổn định, dễ kiểm soát được chất lượng cũng như số lượng, giá cả và tiến độ cung ứng.

Dù vật liệu được mua sắm theo hình thức nào đều phải trên nguyên tắc : Khai thác nguồn hàng tận gốc, hạn chế mua qua trung gian, nếu mua qua trung gian phải ưu tiên chọn đơn vị thương nghiệp quốc doanh trước sau đó mới mua của các thành phần kinh tế khác.

Vật liệu được chuyển về công ty, sau khi thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc nhập, đều được đưa vào kho bãi theo qui định. Đặc biệt, ở công ty các phân xưởng sản xuất nhất là phân xưởng sản xuất chính đều có kho bãi riêng để chứa vật liệu cần dùng trong phân xưởng mình. Do vậy việc nhập kho vật liệu được tiến hành như sau: Các vật liệu là đối tượng sản xuất chính của phân xưởng nào sẽ được nhập thẳng về phân xưởng đó, các vật liệu dùng chung cho nhiều phân xưởng được nhập vào tổng kho. Việc bảo quản vật liệu trong các kho tùy thuộc vào đặc tính lý hoá cũng như tính luân chuyển của vật liệu. Với những vật liệu có khối lượng lớn, kích thước cồng kềnh, ít chịu ảnh hưởng của thời tiết, lại hay được sử dụng thường xuyên như đất, đá, xi... được tập kết ở các bãi đất lớn. Những vật liệu có khối lượng nhập lớn, sử dụng thường xuyên nhưng chịu ảnh hưởng của thời tiết như than,... được để ở khu vực có mái che. Còn phần lớn các vật liệu khác đều được bảo quản trong hệ thống nhà kho. Chịu trách nhiệm trong việc quản lý, bảo quản về mặt hiện vật của vật liệu là các thủ kho của tổng kho và tổ giao nhận vật tư của các phân xưởng.

Các vật liệu nhập về công ty chủ yếu sử dụng cho sản xuất, một phần được sử dụng phục vụ quản lý, xuất cho các đơn vị nội bộ, xuất bán,... Số khác qua kiểm kê được phân loại thành vật tư ứ đọng, chậm luân chuyển sẽ được nhập vào kho riêng do phòng vật tư quản lý chờ bán thu hồi vốn.

Vật liệu từ khi nhập vào kho cho đến khi xuất kho đều chịu sự quản lý chặt chẽ. Việc quản lý vật liệu được phân công, phân định trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận liên quan.

2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu.

❖ Vật liệu dùng cho sản xuất xi măng đen gồm :

- Đá vôi: Là nguyên liệu chính để sản xuất xi măng, chiếm từ 75% đến 80%. Nó được hình thành phần lớn ở các mỏ lộ thiên. Đá vôi dùng cho sản xuất phải có hàm lượng CaCO_3 từ 90% đến 96%, kích thước hạt nhỏ hơn 25 mm và đạt một số các tiêu chuẩn khác.

- Đất sét : Có sẵn trong tự nhiên ở các bãi bồi ven sông.

- Đất Quy Khê: Là nguyên liệu sử dụng để điều chỉnh thành phần hoá học cần thiết cho sản phẩm cần chế tạo.

- Quặng sắt: Sử dụng với tỷ lệ thấp và chất lượng theo qui định.

- Khoáng hoá CaF_2 : Được sử dụng làm chất khoáng cho nung luyện Clinker, sử dụng với tỷ lệ cho phép ở dạng rắn.

- Thạch cao: Có vai trò rất quan trọng trong quá trình nghiền và đồng nhất xi măng.

- Than cám 3B và than chất bốc: Thường được khai thác từ các mỏ ở Quảng Ninh, được sử dụng như nhiên liệu rắn.

Để sản xuất xi măng trắng cũng cần có các vật liệu như: Đá vôi, khoáng hoá, thạch cao như sản xuất xi măng đen nhưng theo những thông số kỹ thuật khác nhau. Đặc biệt cần có các vật liệu đặc trưng như :

- Cao lanh: Là nguyên liệu chiếm vị trí thứ hai từ 20% đến 25% về khối lượng chỉ sau đá vôi.

- Đá vôi trắng: Được sử dụng làm chất phụ gia vừa đảm bảo được độ trắng cao, vừa không gây tác động phụ về chất lượng xi măng trắng.

- Dầu FO: Có chất lượng theo tiêu chuẩn quy định, được sử dụng như nhiên liệu lỏng.

Ngoài ra, trong sản xuất xi măng rất cần đến các chất trợ nghiền, các vật liệu phụ như bi đạn, gạch chịu lửa,...

❖ Phân loại vật liệu là công việc không thể thiếu trong công tác quản lý vật liệu nói chung và công tác kế toán vật liệu nói riêng. Có nhiều cách phân loại vật liệu dựa theo những tiêu thức khác nhau. Ở công ty, căn cứ vào nội dung kinh tế và

vai trò của vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh thì vật liệu được chia ra thành :

- Nguyên vật liệu chính bao gồm: Đá xanh, đất sệt, đất Quy Khê, quặng sắt, phụ gia, khoáng hoá CaF₂, thạch cao, đá cao lanh, đá trắng, Bari sunfat,...
- Vật liệu phụ bao gồm: Vỏ bao, bi đạn, gạch chịu lửa, kim loại, Bu lông, vòng bi, tạp phẩm, vật liệu xây dựng, đồ điện, vật liệu hàn, dầu nhờn, mỡ máy...
- Nhiên liệu: Than cám, than chất bốc, dầu FO, xăng, dầu Diezel,...
- Phụ tùng thay thế: Phụ tùng xi măng, phụ tùng sửa chữa phương tiện thủy bộ.
- Vật liệu khác: Phế liệu, vật tư ứ đọng, vật tư thu hồi.

Riêng Clinker mua ngoài là vật liệu chính nhưng để tiện cho việc quản lý, theo dõi, kế toán sử dụng TK 152119 và chi tiết theo nguồn nhập.

❖ Trong điều kiện áp dụng tin học cho công tác kế toán, kế toán phải sử dụng hệ thống danh điểm để mã hoá từng thứ vật liệu. Ở công ty, việc lập danh điểm không sử dụng chi tiết tài khoản như trên mà tiến hành lập danh điểm vật liệu như sau: Mỗi loại vật liệu được biểu hiện bằng một chữ cái, hai chữ số tiếp sau tương ứng với nhóm vật liệu trong loại đó và ba chữ số cuối sử dụng để chi tiết nhóm vật liệu thành từng thứ.

Chẳng hạn: Danh điểm Y16005 dùng mã hoá cho Êcu M12

Danh điểm Y16006 dùng để mã hoá cho Êcu M14

Trong đó: Y: Cho biết vật liệu này là vật liệu phụ

16: Chữ số này thể hiện vật liệu này thuộc nhóm vật liệu có tên là Êcu.

005 và 006 là từng thứ vật liệu trong nhóm Êcu như: Êcu M12, Êcu M14.

Với cách mã hoá như trên thì cùng một thứ vật liệu kế toán vừa sử dụng số hiệu TK vừa sử dụng danh điểm mã hoá. Tuy nhiên, đó lại là biện pháp để bảo vệ công tác kế toán trên máy tránh những rủi ro do khách quan. Bởi vì, chế độ kế toán nhất là hệ thống tài khoản kế toán luôn thay đổi trong khi danh điểm vật liệu được qui định trong phần mềm kế toán chỉ thay đổi khi không sử dụng phần mềm đó. Dưới đây là bảng mã danh điểm cấp II của nguyên vật liệu chính.

C : Nguyên vật liệu chính

Mã	Danh điểm	Tên vật liệu cấp II
01	21.14.00.001	Clinker
02	21.14.00.002	Thạch cao
06	21.15.00.005	Đá xanh
07	21.15.00.006	Đá nhỏ xi măng trắng
11	21.15.00.011	Đất sét
12	21.16.00.001	Đất Quy Khê
16	21.16.00.006	Quặng sắt
17	21.16.00.009	Phụ gia xi măng
25	21.17.01.004	Khoáng hoá CaF ₂
26	21.17.03.008	Chất trợ nghiền
27	21.17.07.009	Đá cao lanh
28	21.17.08.005	Đá trắng
29	21.17.08.008	Cát trắng
30	21.18.00.001	Bari sunfat
31	21.18.00.005	Đá bazan
32	21.18.01.001	Xô đa

2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu trong Công ty có nhiều chủng loại khác nhau, vì vậy hạch toán nguyên vật liệu phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của nguyên vật liệu. Hạch toán chi tiết được tiến hành song song với hạch toán tổng hợp nhằm quản lý chặt chẽ hơn tình hình biến động tài sản của doanh nghiệp.

Kế toán thực hiện hình thức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đó là hình thức “Thẻ song song”.

2.2.2.1 Thủ tục nhập - xuất nguyên vật liệu.

❖ *Nhập vật tư*: Phân xưởng hoặc phòng ban có đơn đặt hàng qua phòng kỹ thuật chức năng xem xét, ký chấp nhận. Giấy đề nghị được giám đốc duyệt giao cho phòng kế hoạch lập hợp đồng, hai bên ký kết hợp đồng. Sau đó giao cho phòng vật tư thực hiện hợp đồng nhập kho vật tư.

Tất cả các vật liệu trước khi nhập kho đều phải qua sự kiểm nhận của các bộ phận liên quan. Phòng KCS sẽ kiểm nhận về chất lượng và viết phiếu báo kết quả kiểm tra chất lượng. Hội đồng nghiệm thu công ty sẽ kiểm nhận về số lượng và lập Biên bản nghiệm thu số lượng hàng tại hiện trường (cho những nguyên liệu đổ vào bãi của phân xưởng) hoặc Biên bản kiểm nhập vật tư (cho những nguyên vật liệu nhập vào tổng kho). Hội đồng nghiệm thu công ty bao gồm đại diện các phòng: Phòng vật tư, phòng kế toán, phòng KCS và đại diện của người bán.

Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục trên, phòng vật tư sẽ căn cứ vào các biên bản trên và hoá đơn giá trị gia tăng để viết bốn liên phiếu nhập kho: một lưu tại phòng vật tư, một liên do kế toán vật liệu giữ, một liên kèm với các chứng từ khác sẽ được giao cho kế toán thanh toán, một liên giao cho đơn vị quản lý vật liệu (thủ kho, tổ giao nhận vật tư). Liên do thủ kho hoặc tổ giao nhận vật tư giữ là căn cứ để ghi thẻ kho hoặc sổ theo dõi vật tư, sau đó sẽ được chuyển cho phòng kế toán.

Giá thực tế		Giá mua ghi trên				Các khoản giảm
NVL nhập	=	hóa đơn của	+	Chi phí thu	-	giá, CKTM, hàng
kho		người bán		mua thực tế		mua bị trả lại

Trong đó:

+ Giá ghi trên hóa đơn của người bán: Là giá chưa có thuế .

+ Chi phí thu mua thực tế gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ... Đối với chi phí vận chuyển thì chi phí vận chuyển được cộng vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu.

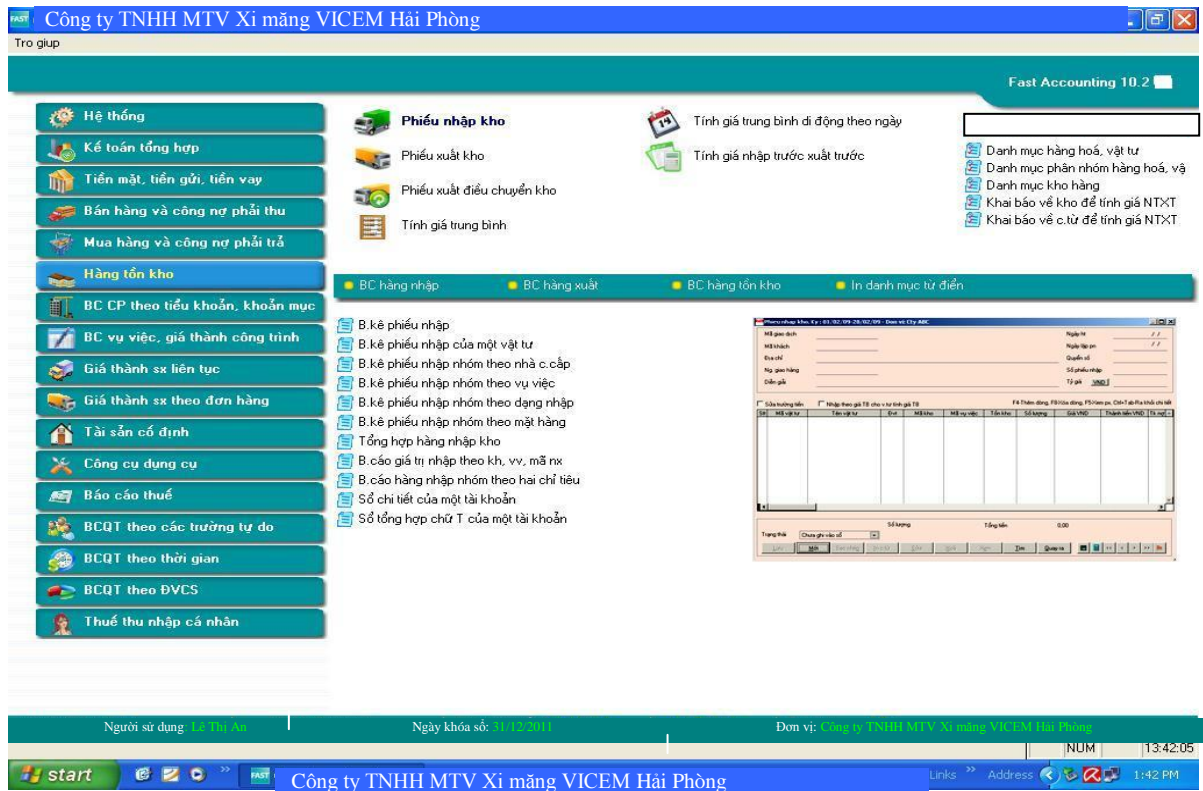
Ví dụ 1: Ngày 14/10/2011 công ty mua Vỏ bao của Công ty Cổ phần Bao bì xi măng Tam Điệp nhập kho, số lượng là 91.129 cái, đơn giá là 5.560 đồng/cái. Tổng giá nhập kho là 506.677.240 đồng (chưa VAT 10%), đã thanh toán bằng TGNH.

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng

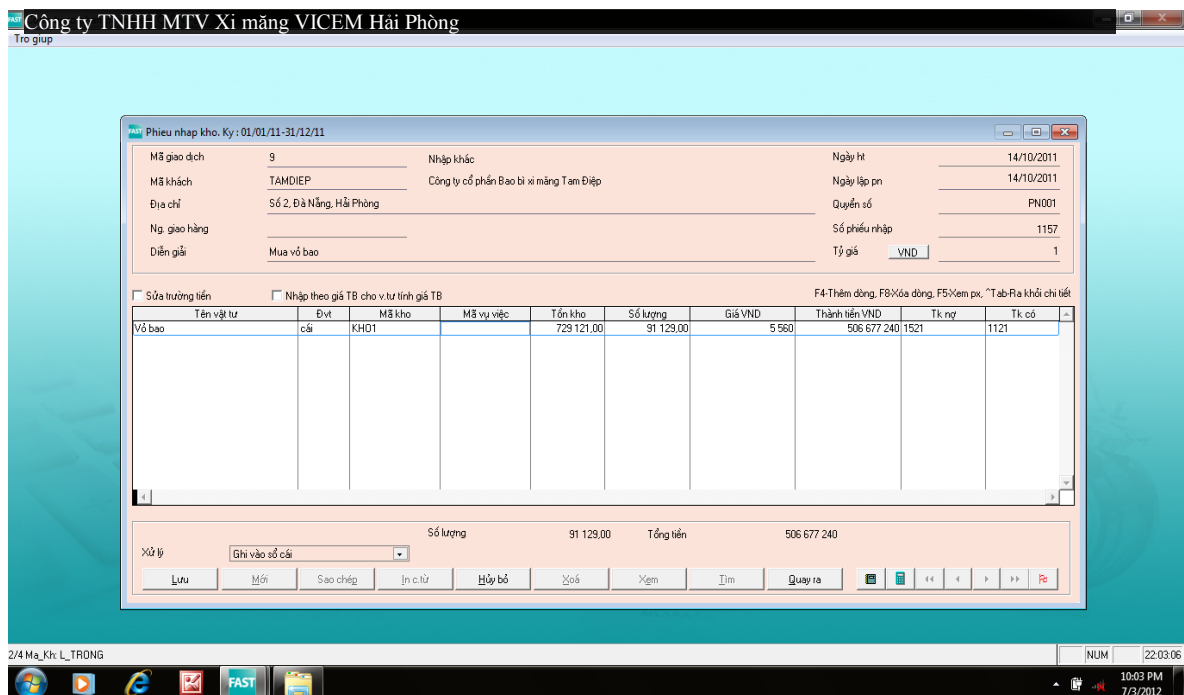
Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 001321 và số lượng thực tế kế toán tiến hành khai báo số liệu từ hoá đơn vào phần mềm FAST và in ra phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho in ra 4 liên chuyển cho các bên liên quan. Trị giá nguyên vật liệu nhập kho là 506.677.240 đồng.

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng

Biểu số 02 : Giao diện phần mềm kế toán FAST



Giao diện Phiếu nhập vỏ bao



Biểu số 03: Ủy nhiệm chi

ỦY NHIỆM CHI

Số: 103

Mẫu số: 01

Liên: 2

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN

Lập ngày: 14/10/2011

PHẦN DO NH GHI

Tên đơn vị trả tiền	Công ty TNHH MTV xi măng VICEM Hải Phòng
Số tài khoản	340771900012231
Tại ngân hàng	Công thương Hồng Bàng tỉnh, TP Hải Phòng
Tên đơn vị nhận tiền	Công ty cổ phần bao bì xi măng Tam Điệp
Số tài khoản	102010000211024
Tại ngân hàng	Công thương Hồng Bàng tỉnh, TP Hải Phòng
Số tiền bằng chữ	Năm trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi tư nghìn, chín trăm sáu mươi tư đồng.
Nội dung thanh toán	Trả tiền mua vỏ bao tháng 10/2011 (Hóa đơn số 00001321 ngày 14/10/2011)

TÀI KHOẢN NỢ
TÀI KHOẢN CÓ
Số tiền bằng số 557.344.964

Đơn vị trả tiền	Ngân hàng A	Ngân hàng B			
	Ghi sổ ngày.....	Ghi sổ ngày.....			
Kế toán	Chủ tài khoản	Kế toán	Trưởng phòng kế toán	Kế toán	Trưởng phòng kế toán

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng

Biểu số 04: Phiếu nhập vật tư.

CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

MINH ĐỨC – THỦY NGUYỄN – HẢI PHÒNG

MST: 0200155219

Mẫu số 01VT

(BH theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phòng Vật tư

PHIẾU NHẬP VẬT TƯ

Ngày 14 tháng 10 năm 2011

Số 1157

Nhập của: Vũ Trọng Nam

Theo hóa đơn số 001321 ngày 14 tháng 10 năm 2011

Biên bản kiểm nghiệm ngày 14 tháng 10 năm 2011

Nguồn nhập: Tư vấn giá ngày 07 tháng 1 năm 2011. Nhập vào TKVTTB (A.Mười)

Mã số thuế công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng: 0200155219.

NỢ	CÓ

TT	TÊN NHÃN HIỆU QUI CÁCH VẬT TƯ	Đơn vị tính	Mã vật tư	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vỏ bao	Cái	53	91.129	91.129	5.560	506.677.240
	Cộng						506.677.240

Cộng thành tiền (Bằng chữ): Năm trăm linh sáu triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm bốn mươi đồng chẵn.

Ngày 14 tháng 10 năm 2011

**P.PHỤ TRÁCH
ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GIAO
(Ký, họ tên)

CN TỔNG KHO
(Ký, họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 28/10/2011, nhập kho clinker mua của công ty TNHH Long Trọng, số lượng 2.150 tấn. Tổng tiền hàng 488.899.250 đồng (chưa thuế VAT 10%), chưa thanh toán cho người bán.

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 002392 và số lượng thực tế kế toán tiến hành khai báo số liệu từ hoá đơn vào phần mềm FAST và in ra phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho in ra 4 liên chuyển cho các bên liên quan. Trị giá nguyên vật liệu nhập kho là 488.899.250 đồng.

Biểu số 06: Giao diện Phiếu nhập Clinker

Phiếu nhập kho. Kỳ: 01/01/11-31/12/11

Mã giao dịch: 9 Nhập khác Ngày ht: 28/10/2011
Mã khách: L_TRONG Công ty TNHH Long Trọng Ngày lập pn: 28/10/2011
Địa chỉ: Số 4, đường vòng Cầu Niệm, Lê Chân, Hải Phòng Quyền số: PN001
Ng. giao hàng: Số phiếu nhập: 1169
Diễn giải: Mua clinker Tỷ giá: VND 1

Sửa tương tiến Nhập theo giá TB cho v.tu tính giá TB F4:Thêm dòng, F8:Xóa dòng, F5:Xem px, *Tab/Fra khỏi chi tiết

Tên vật tư	Đvt	Mã kho	Mã vụ việc	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Thành tiền VND	Tk nợ	Tk có
Clinker	tấn	KH01		3 650,00	2 150,00	227 395	488 899 250	1521	331111

Xử lý: Ghi vào sổ cái Số lượng: 2 150,00 Tổng tiền: 488 899 250

Lưu Hủy Sao chép In c.từ Hủy bỏ Xóa Xem In Quay ra

2/4 Ma_Kh_L_TRONG NUM 22:05:58 10:05 PM 7/3/2012

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng

Biểu số 07: Phiếu nhập vật tư

CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

MINH ĐỨC – THỦY NGUYỄN – HẢI PHÒNG

MST: 0200155219

Mẫu số 01VT

(BH theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phòng Vật tư

PHIẾU NHẬP VẬT TƯ

Ngày 28 tháng 10 năm 2011

Số 1169

Nhập của: Công ty TNHH Long Trọng

Theo hóa đơn số 0002392 ngày 28 tháng 10 năm 2011

Biên bản kiểm nghiệm ngày 28 tháng 10 năm 2011

Nguồn nhập: Tư vấn giá ngày 07 tháng 1 năm 2011. Nhập vào TKVTTB (A.Mười)

Mã số thuế công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng: 0200155219.

NỢ	CÓ

TT	TÊN NHÃN HIỆU QUI CÁCH VẬT TƯ	Đơn vị tính	Mã vật tư	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Clinker	Tấn	01	2.150	2.150	227.395	488.899.250
	Cộng						488.899.250

Cộng thành tiền (Bằng chữ): Bốn trăm tám mươi tám triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi đồng chẵn.

Ngày 28 tháng 10 năm 2011

P.PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GIAO
(Ký, họ tên)

CN TỔNG KHO
(Ký, họ tên)

❖ *Xuất vật tư :*

* Đối với vật tư tại tổng kho:

Phân xưởng hoặc phòng ban có nhu cầu sử dụng viết Phiếu yêu cầu lĩnh vật tư qua phòng kỹ thuật chức năng ký, giám đốc duyệt. Sau đó giao cho kế toán vật tư viết Phiếu xuất được lãnh đạo phòng kế toán ký, lãnh đạo của đơn vị có nhu cầu ký nhận. Sau khi ký nhận đơn vị có nhu cầu lĩnh vật tư tại tổng kho của công ty.

Phiếu xuất kho được viết thành ba liên có chữ ký của những người liên quan:

- Liên thứ nhất : Lưu tại bộ phận viết phiếu, có chữ ký của người đi nhận phiếu vào chỗ bộ phận sử dụng.

- Liên thứ hai và liên thứ ba do người xin lĩnh giữ và mang xuống tổng kho để xin chữ ký của chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm tổng kho. Sau đó cả hai liên sẽ được sử dụng để vào kho nhận vật liệu.

Sau khi giao nhận, thủ kho ghi vào cột thực xuất của từng thứ vật liệu, ghi ngày tháng năm xuất kho và cùng người nhận ký tên vào hai liên này. Liên thứ hai thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho, sau đó chuyển cho kế toán để hạch toán. Liên thứ ba bộ phận lĩnh vật tư sẽ giữ và lưu vào sổ.

Các chứng từ xuất vật liệu tại tổng kho bao gồm: Giấy xin lĩnh vật liệu và Phiếu xuất vật tư.

Khi nhập số liệu trên phiếu xuất chỉ cần nhập chỉ tiêu số lượng, còn trị giá xuất kho của vật tư là do máy tính tự động tính toán.

Vật tư xuất dùng cho sản xuất, đơn giá và trị giá vật tư xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá nguyên vật liệu nhập kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng nguyên vật liệu nhập kho sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{TGTT xuất kho} = \text{Đơn giá vật tư xuất kho} \times \text{Số lượng vật tư xuất dùng}$$

* Đối với vật tư ngoài bạt, bãi thuộc các phân xưởng.

Vật liệu ngoài bạt bãi (đất sét, thạch cao, đá học...) là tài sản của Công ty do phân xưởng trực tiếp quản lý. Trong tháng được đưa vào sử dụng theo thực tế sản

xuất. Cuối mỗi tháng, phân xưởng phải tổ chức kiểm kê tất cả vật tư ngoài bạt bãi do phân xưởng quản lý với đủ thành phần theo qui định. Sau khi kiểm kê, phân xưởng tiến hành tính toán, lập bảng cân đối sử dụng vật liệu.

Nhân viên giao nhận phân xưởng mang bảng cân đối sử dụng vật liệu đã có đủ chữ ký của xưởng lên phòng kỹ thuật để thẩm định, sau đó trình Giám đốc hoặc Phó giám đốc lĩnh vực ký duyệt.

Ví dụ 3: Ngày 30/10/2011 công ty xuất 756,75 tấn Clinker cho xưởng nguyên liệu. Kế toán nguyên vật liệu vào phần mềm kế toán khai báo dữ liệu liên quan đến nguyên vật liệu xuất kho máy tính tự động xử lý số liệu tính ra đơn giá xuất kho cho Clinker là 224.299 đồng/tấn, trị giá xuất kho là 169.738.268 đồng.

Biểu số 08: Phiếu yêu cầu xuất vật tư.

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG
MST: 0200155219

Số: 30/10

PHIẾU YÊU CẦU XUẤT VẬT TƯ

Đơn vị yêu cầu : Xưởng nguyên liệu

Mục đích sử dụng : xuất để sản xuất

Mã công trình SC:.....

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Danh điểm	ĐVT	Số lượng		
				Dự toán	Yêu cầu	Duyệt
1	2	3	4	5	6	7
1	Clinker	21.14.00.001	Tấn	756,75	756,75	756,75

Tổng cộng có : 01 loại vật tư yêu cầu.

Ngày 30/10/2011	Ngày.../.../...		Ngày.../.../...	Người nhận phiếu xuất vật tư Ngày 30/11/2011
Thủ trưởng đơn vị yêu cầu	Phòng kỹ thuật chuyên ngành		Giám đốc duyệt	
(Ký, họ tên)	Cán bộ theo dõi	Trưởng phòng	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng

Biểu số 09: Giao diện Phiếu xuất Clinker

Phiếu xuất kho. Ky: 01/01/11-31/12/11

Mã giao dịch: 4 Xuất cho sản xuất Ngày ht: 30/10/2011
Mã khách: XUONGNL Xuất nguyên liệu Ngày lập px: 30/10/2011
Địa chỉ: _____ Quyển số: PX001
Ng. nhận hàng: Bà Văn Công Số phiếu xuất: 1475
Diễn giải: Xuất Clinker cho sản xuất Tỷ giá: VND 1

Sửa tương tiền Xuất theo giá đích danh cho v.tư tính giá TB F4-Thêm dòng, F8>Xóa, F5>Xem pr, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tên hàng	Đvt	Mã kho	Mã vụ việc	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Thành tiền VND	Tk. nợ	Tk. có
Clinker	tấn	KH01		7.456,75	756,75	224.299	169.738.268.621		1521

Số lượng: 756,75 Tổng tiền: 169.738.268

Xử lý: Ghi vào sổ cái

Lưu Mới Sao chép In c.từ Hủy bỏ Xóa Xem In Quay ra

1/336 Ma_Nx: 1111 NUM 22:12:48 19:12 PM 7/3/2012

Biểu số 10: Phiếu xuất vật tư.

PHIẾU XUẤT VẬT TƯ Số : 1475

Bộ phận sử dụng : Xưởng nguyên liệu - PX 80027 - Người lĩnh : Bùi Văn Công

Lý do xuất : Xuất để sản xuất

Xuất tại kho: VTK - Vật tư - Kho

<i>Phiếu xin lĩnh</i>	
	<i>30/10/2011</i>

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	Danh điểm	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Clinker	21.14.00.001	Tấn	756,75	756,75	224.299	169.738.268

Ngày 30 tháng 10 năm 2011

**KẾ TOÁN
TRƯỞNG**
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

**PT BỘ
PHẬN SỬ
DỤNG**
(Ký, họ tên)

**NGƯỜI
NHẬN**
(Ký, họ tên)

**PHỤ TRÁCH
KHO**
(Ký, họ tên)

THỦ KHO
(Ký, họ tên)

Ví dụ 4: Ngày 31/10/2011 công ty xuất 72.000 cái Vỏ bao cho PX nghiền đóng bao sử dụng. Kế toán nguyên vật liệu vào phần mềm kế toán khai báo dữ liệu liên quan đến nguyên vật liệu xuất kho máy tính tự động xử lý số liệu tính ra đơn giá xuất kho cho Vỏ bao là 5.625 đồng/cái, trị giá xuất kho là 405.072.000 đồng.

Biểu số 11: Phiếu yêu cầu xuất vật tư.

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG
 MST: 0200155219

Số: 35/10

PHIẾU YÊU CẦU XUẤT VẬT TƯ

Đơn vị yêu cầu: Xưởng nghiền đóng bao PX 80055 - Người lĩnh : Phạm Văn An

Mục đích sử dụng: Xuất để sản xuất

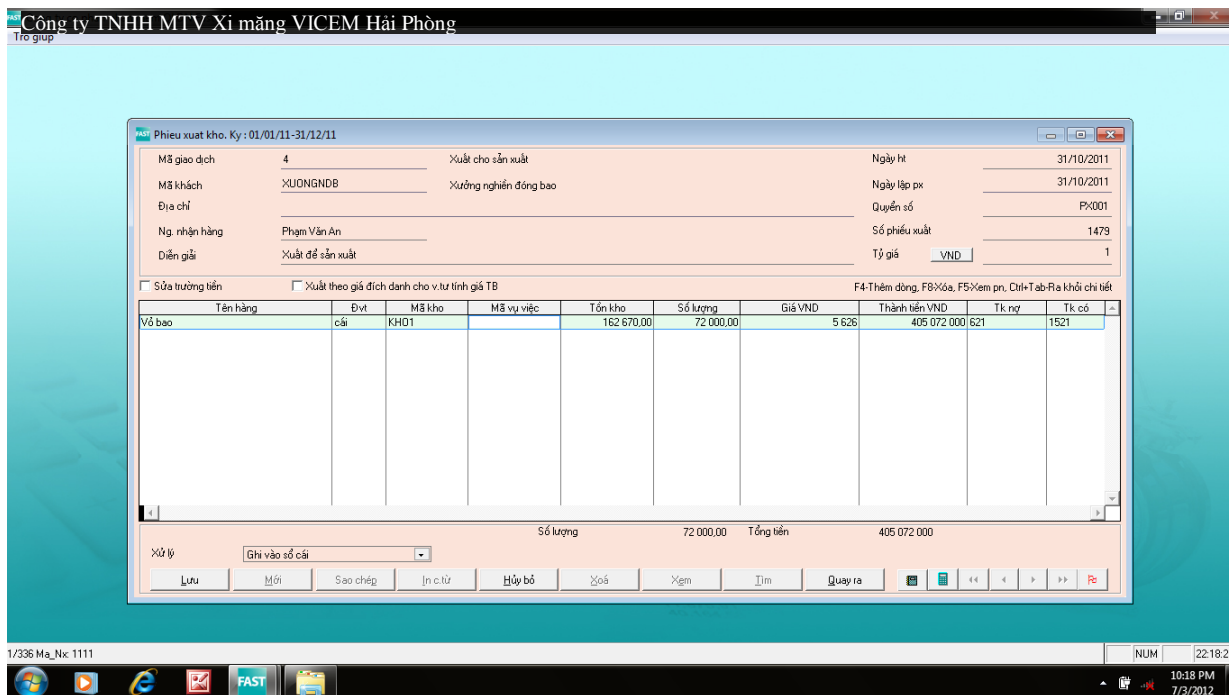
Mã công trình SC:.....

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Danh điểm	ĐVT	Số lượng		
				Dự toán	Yêu cầu	Duyệt
1	2	3	4	5	6	7
1	Vỏ bao KPK xi măng đen PCB 30(3 lớp) Tam Điệp	22.11.00.013	Cái	72.000	72.000	72.000

Tổng cộng có: 01 loại vật tư yêu cầu.

Ngày 31/10/2011 Thủ trưởng đơn vị yêu cầu	Ngày.../.../... Phòng kỹ thuật chuyên ngành		Ngày.../.../... Giám đốc duyệt	Người nhận phiếu xuất vật tư Ngày 31/10/2011
	Cán bộ theo dõi	Trưởng phòng		
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số12: Giao diện Phiếu xuất vữa bao



Biểu số13: Phiếu xuất vật tư.

PHIẾU XUẤT VẬT TƯ Số : 1479

Bộ phận sử dụng: Xưởng nghiền đóng bao - PX 80014 - Người lĩnh: Phạm Văn An

Lý do xuất: Xuất để sản xuất

Xuất tại kho: VTK - Vật tư - Kho

<i>Phiếu xin lĩnh</i>	
	<i>31/10/2011</i>

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	Danh điểm	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Vỏ bao	22.11.00.013	Cái	72.000	72.000	5.626	405.072.000

Ngày 31 tháng 10 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

**PT BỘ PHẬN SỬ
DỤNG**
(Ký, họ tên)

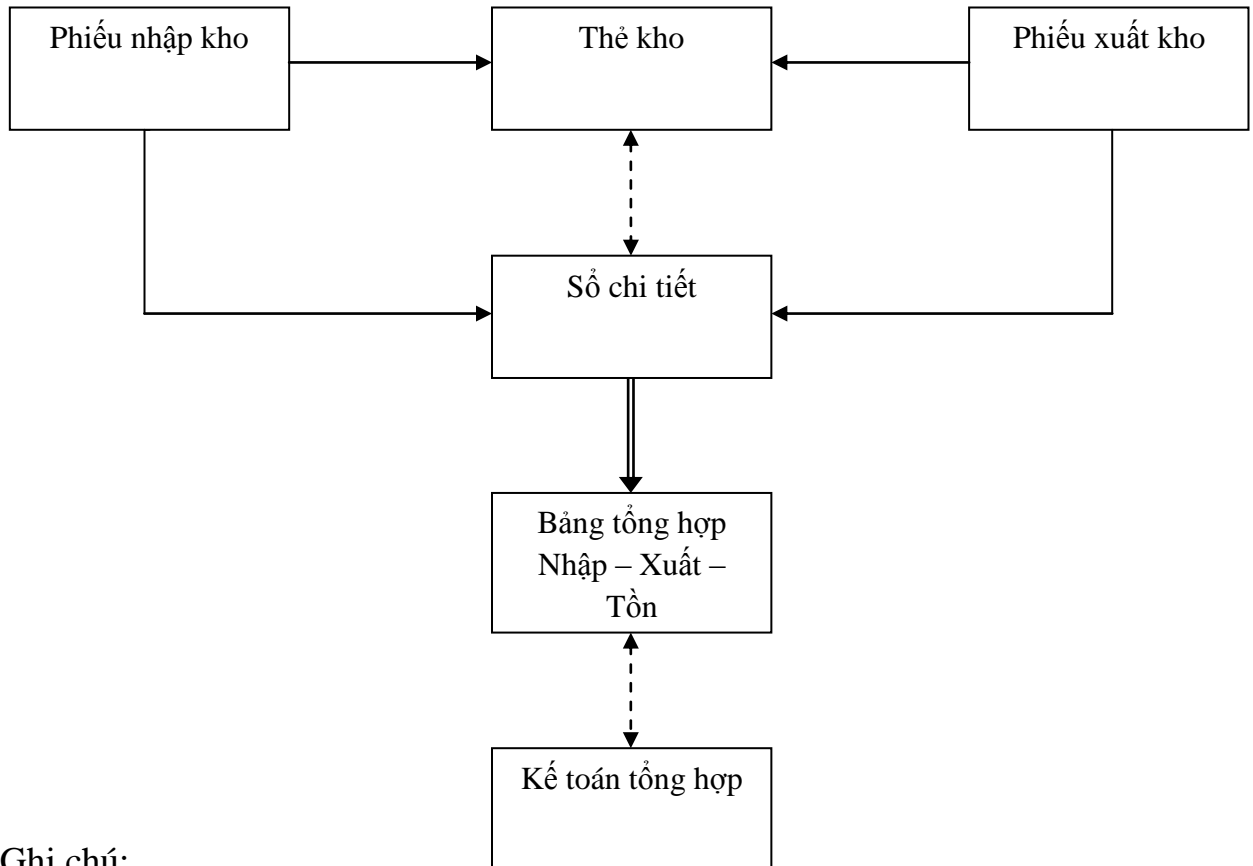
NGƯỜI NHẬN
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH KHO
(Ký, họ tên)

THỦ KHO
(Ký, họ tên)

2.2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty.

Sơ đồ 11: Quá trình hạch toán theo phương pháp thẻ song song.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ⇒

Đối chiếu: ↔

Một trong những yêu cầu của công tác kế toán nguyên vật liệu đòi hỏi phải theo dõi, phản ánh tình hình nhập, xuất kho nguyên vật liệu cả về số lượng, chất lượng, giá trị thông qua công tác kế toán chi tiết nguyên vật liệu. Nhằm tiến hành công tác kế toán nguyên vật liệu một cách đơn giản, chính xác, đơn vị tiến hành hạch toán vật tư cuối kỳ theo phương pháp kê khai thường xuyên, sử dụng phương pháp thẻ song song. Việc áp dụng phương pháp này ở công ty được tiến hành như sau:

- Ở kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép phản ánh hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu, công cụ dụng cụ ở từng kho. Theo chỉ tiêu khối lượng mỗi thứ vật liệu, công cụ dụng cụ được theo dõi trên một thẻ kho để tiện cho việc sử dụng thẻ kho trong việc ghi chép, kiểm tra đối chiếu số liệu.

- Phòng kế toán:

Tại phòng kế toán, kế toán phải theo dõi tình hình nhập - xuất NVL theo cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu giá trị. Sau khi kiểm tra các nội dung chủ yếu của chứng từ kế toán, khi đã đủ điều kiện, kế toán ghi vào sổ chi tiết NVL.

Tại màn hình giao diện chính chọn mục nhập dữ liệu, màn hình nhập NVL hiện ra. Tại ô loại chứng từ ta có thể chọn các phiếu nhập, phiếu xuất. Khi cập nhật dữ liệu trên máy, kế toán nhập số hiệu của chứng từ, ngày tháng phát sinh nghiệp vụ và nội dung của chứng từ theo các nội dung cài đặt sẵn trên màn hình.

Đối với vật liệu nhập kho, kế toán nhập số lượng, đơn giá, đơn vị khách hàng, sau đó sẽ tự động tính thành tiền.

Đối với nghiệp vụ xuất kho, kế toán nhập số liệu xuất, xác định đối tượng chi phí, đơn giá xuất máy sẽ tự động tính theo phương pháp bình quân liên hoàn.

Sau khi cập nhật xong chứng từ vào máy, máy sẽ quản lý vật liệu theo tên hoặc mã quy định. Khi muốn xem sổ chi tiết nào đó chỉ cần đánh tên nguyên vật liệu hoặc mã của nguyên vật liệu đó. Ta có thể xem chi tiết số liệu của từng loại nguyên vật liệu theo ngày, tháng, năm.

Ví dụ (Tiếp theo Ví dụ 1 và Ví dụ 4): Ngày 14/10/2011 công ty mua Vỏ bao của Công ty Cổ phần Bao bì xi măng Tam Điệp nhập kho, số lượng là 91.129 cái, đơn giá là 5.560 đồng/cái. Tổng giá nhập kho là 506.677.240 đồng (chưa VAT 10%), đã thanh toán bằng TGNH.

- Tại phòng kế toán, căn cứ vào HĐGTGT số 001321 (Biểu số 01) và các chứng từ liên quan kế toán khai báo vào phần mềm kế toán để in ra phiếu nhập kho (Biểu số 04). Từ số liệu đã khai báo, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu ghi vào sổ chi tiết TK 152 (Biểu số 15). Cuối kỳ, máy tính tự động xử lý số liệu từ các sổ chi tiết lập Bảng tổng hợp Nhập - xuất - tồn (Biểu số 18).

- Tại kho, thủ kho căn cứ vào phiếu nhập (Biểu số 04) vào thẻ kho (Biểu số 14).

Ngày 31/10/2011 công ty xuất 72.000 cái Vỏ bao cho PX nghiền đóng bao sử dụng.

- Tại phòng kế toán, theo yêu cầu về xuất (Biểu số 11) 72.000 cái vỏ bao từ PX nghiền đóng bao chuyển lên được phê duyệt, kế toán làm thủ tục xuất vỏ bao. Kế toán khai báo dữ liệu vào phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tự động tính giá xuất vỏ bao kho theo phương pháp bình quân liên hoàn và in ra phiếu xuất kho (Biểu số 13). Từ số liệu đã được khai báo, máy tính sẽ xử lý số liệu ghi vào sổ chi tiết TK 152 (Biểu số 15). Cuối kỳ, máy tính tự động xử lý số liệu từ các sổ chi tiết lập Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn (Biểu số 18).

- Tại kho, thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu số 13) vào thẻ kho (Biểu số 14).

Biểu số 14: Thẻ kho.

CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

TÊN KHO: Kho vật tư

MST : 0200155219

Mẫu số 06-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ :01/10/2011

Tờ số : 04

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư, sản phẩm hàng hóa : Vỏ bao xi măng

Đơn vị tính : Cái

Mã số : 152211

Ngày nhập xuất	Chứng từ		Ngày tháng	Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận của Kế toán
	Số phiếu				Nhập	Xuất	Tồn	
	Nhập	Xuất						
				Tồn đầu kỳ			572.330	
.....	
6/10	PN 1150			Mua vỏ bao	50.000		350.000	
7/10		PX 1460		Xuất vỏ bao		30.000	320.000	
.....	
14/10	PN 1157			Mua vỏ bao	91.129		820.250	
.....	
31/10		PX 1479		Xuất vỏ bao		72.000	90.670	
.....	
				Cộng số phát sinh	1.794.800	1.876.370		
				Tồn cuối kỳ			490.760	

Ngày...tháng...năm...

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Kư, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 15: Sổ chi tiết TK 152211

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG
 MST: 0200155219

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 152211 – Vỏ bao

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày 31/10/2011

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	Nhập		Xuất			Tồn	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu kỳ						572.330	2.947.500.144
	
06/10	PN 1150	Nhập vỏ bao	50.000	261.150.000				350.000	6.950.650.000
07/10	PX 1460	Xuất vỏ bao			30.000	5.233	156.990.000		6.793.660.000
	
14/10	PN 1157	Nhập vỏ bao	91.129	506.677.240				820.250	5.558.338.844
	
31/10	PX 1479	Xuất vỏ bao			72.000	5.626	405.072.000	90.670	3.153.266.844
	
		Cộng phát sinh	1.794.800	9.930.639.800	1.876.370		10.321.277.054		
		Tồn cuối kỳ						490.760	2.556.862.890

Ngày...tháng...năm....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

Ví dụ (Tiếp theo Ví dụ 2 và Ví dụ 3): Ngày 28/10/2011, nhập kho Clinker mua của công ty TNHH Long Trọng, số lượng 2.150 tấn. Tổng tiền hàng 488.899.250 đồng (chưa thuế VAT 10%), chưa thanh toán cho người bán.

- Tại phòng kế toán, căn cứ vào HĐGTGT số 002392 (Biểu số 05) và các chứng từ liên quan kế toán khai báo vào phần mềm kế toán để in ra phiếu nhập kho (Biểu số 07). Từ số liệu đã khai báo, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu ghi vào sổ chi tiết TK 152 (Biểu số 17). Cuối kỳ, máy tính tự động xử lý số liệu từ các sổ chi tiết lập Bảng tổng hợp Nhập - xuất - tồn (Biểu số 18).

- Tại kho, thủ kho căn cứ vào phiếu nhập (Biểu số 07) vào thẻ kho (Biểu số 16).

Ngày 30/11/2011 công ty xuất 756,75 tấn Clinker cho xưởng nguyên liệu.

- Tại phòng kế toán, theo yêu cầu về xuất (Biểu số 08) 756,75 tấn Clinker chuyển lên được phê duyệt, kế toán làm thủ tục xuất Clinker. Kế toán khai báo dữ liệu vào phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tự động tính giá xuất Clinker kho theo phương pháp bình quân liên hoàn và in ra phiếu xuất kho (Biểu số 10). Từ số liệu đã được khai báo, máy tính sẽ xử lý số liệu ghi vào sổ chi tiết TK 152 (Biểu số 17). Cuối kỳ, máy tính tự động xử lý số liệu từ các sổ chi tiết lập Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn (Biểu số 18).

- Tại kho, thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu số 10) vào thẻ kho (Biểu số 16).

Biểu số 16: Thẻ kho.

CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

TÊN KHO: Kho vật tư

MST : 0200155219

Mẫu số 06-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ : 01/10

Tờ số : 05

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư, sản phẩm hàng hóa : Clinker

Đơn vị tính : Tấn

Mã số : 152119

Ngày nhập xuất	Chứng từ			Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận của Kế toán
	Số phiếu		Ngày tháng		Nhập	Xuất	Tồn	
	Nhập	Xuất						
				Tồn đầu kỳ			5.150	
.....	
05/10	PN 1145			Nhập Clinker	2.500		5.200	
06/10		PX 1453		Xuất Clinker		3.000	2.000	
.....	
28/10	PN 1169			Nhập Clinker	2.150		5.800	
.....	
30/10		PX 1475		Xuất Clinker		756,75	6.700	
.....	
				Cộng số phát sinh	48.750	52.675		
				Tồn cuối kỳ			1.225	

Ngày...tháng...năm...

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 17: Sổ chi tiết TK 152119

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG
 MST: 0200155219

SỔ CHI TIẾT

Tài khoản: 152211 – Clinker Danh điểm: 21.14.00.001

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày 31/10/2011

Đơn vị tính: Tấn

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	Nhập		Xuất			Tồn	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu kỳ						5.150	1.155.852.500

05/10	PN 1145	Nhập Clinker	1.000	227.250.000				5.200	1.183.260.500
06/10	PX 1453	Xuất Clinker phục vụ sản xuất			3.000	228.145	684.435.000	2.200	498.825.500

28/10	PN 1169	Nhập Clinker	2.150	488.899.250				5.800	1.326.750.000

30/10	PX 1475	Xuất Clinker			756,75	224.299	169.738.268	6.700	1.512.726.455

		Cộng phát sinh	48.750	10.922.943.750	52.675		11.868.949.830		
		Tồn cuối kỳ						1.225	279.846.420

Ngày...tháng...năm....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

Biểu số 18: Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG
 Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng
 MST: 0200155219

TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN

Tất cả các kho

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/10/2011

STT	Mã vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	
7	21.14.00.001	Clinker	Tấn	5.150	1.155.852.500	48.750	10.922.943.750	52.675	11.868.949.830	1.225	279.846.420
	
12	22.11.00.013	Vỏ bao	Cái	572.330	2.947.500.144	1.794.800	9.930.639.800	1.876.370	10.321.277.054	490.760	2.556.862.890
	
19	22.11.00.016	Đá bazan	Tấn	500	257.820.000	700	1.575.060.000	400	904.840.000	800	928.040.000
										
Tổng cộng					30.005.168.400		64.616.299.499		35.455.123.765		59.166.344.134

Ngày...tháng...năm....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

2.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Song song với công việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu hàng ngày thì kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là công việc không thể thiếu được trong công tác kế toán nguyên vật liệu. Hiện nay, Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng đang áp dụng kế toán tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, tức là việc ghi chép tính toán tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu vào các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trên cơ sở các chứng từ hợp lý được diễn ra thường xuyên liên tục. Trong quá trình hạch toán kế toán công ty cũng sử dụng các tài khoản có liên quan đến tình hình tăng giảm nguyên vật liệu theo phương pháp này.

2.2.3.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng.

Để thực hiện công tác kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu, công ty sử dụng một số tài khoản sau:

- *Tài khoản sử dụng*: TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.
 - + Các nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản sau:
 - TK 111: Tiền mặt.
 - TK 112: Tiền gửi ngân hàng.
 - TK 331: Phải trả cho người bán
 - + Các nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản sau:
 - TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
 - TK 627: Chi phí sản xuất chung.
 - TK 241: Xây dựng cơ bản dở dang.

Đây là hình thức kế toán thích hợp cho mọi loại hình doanh nghiệp có ứng dụng máy vi tính vào công tác kế toán. Chính vì vậy các loại sổ sách kế toán của công ty sử dụng đều phải tuân theo những quy định chung của hình thức này.

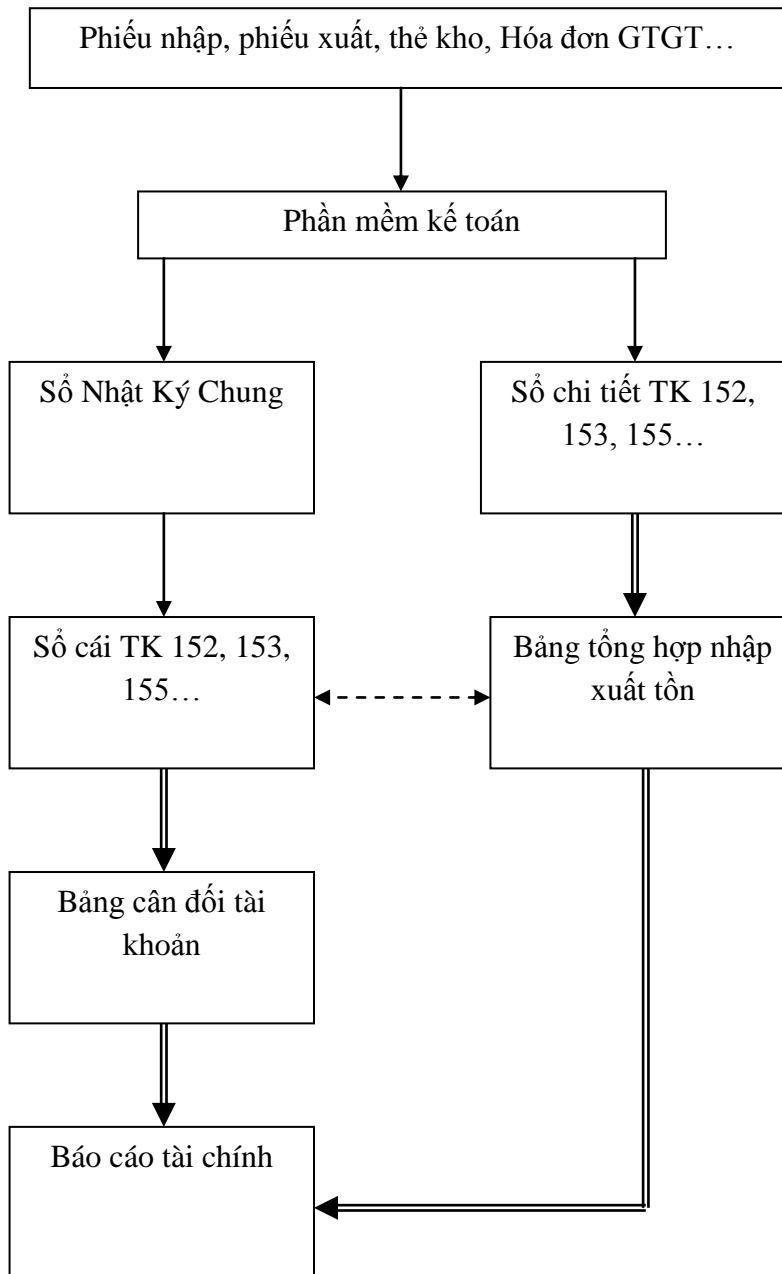
Trong công tác kế toán nhập vật liệu, kế toán công ty căn cứ vào các chứng từ sau:

- + Phiếu xuất kho, phiếu thu tiền của người bán
- + Các chứng từ liên quan đến chi phí thu mua nguyên vật liệu
- + Phiếu nhập kho, phiếu chi tiền, séc chuyển khoản
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 152 - “Nguyên liệu, vật liệu”
- + Sổ chi tiết nguyên vật liệu.
- + Các sổ liên quan khác như sổ chi tiết phải trả nhà cung cấp vật tư.
- + Sổ chi tiết TK 621, TK 623, TK642,...

2.2.3.2 Quy trình hạch toán.

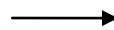
Công ty sử dụng phần mềm kế toán FAST theo sổ Nhật ký chung.

Sơ đồ 12: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán hàng tồn kho

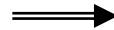


Ghi chú:

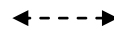
Nhập số liệu hàng ngày:



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm:



Đối chiếu, kiểm tra:



(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kinh tế phát sinh, kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm máy tính FAST. Theo chương trình cài đặt sẵn máy tính sẽ tự động xử lý số liệu ghi vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào các sổ chi tiết TK 152. Từ Nhật ký chung máy tính sẽ tự động xử lý số liệu ghi vào các sổ cái TK 152.

(2) Cuối kỳ, kế toán thực hiện các thao tác trên máy tính tổng hợp số liệu từ các sổ chi tiết TK 152 lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 152. Từ Sổ cái TK 152 tổng hợp số liệu lập Bảng tổng hợp cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu trên Sổ cái TK 152 và Bảng tổng hợp chi tiết TK 152 trên phần mềm kế toán thì kế toán tổng hợp số liệu lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ (Tiếp theo Ví dụ 1): Ngày 14/10/2011 công ty mua Vỏ bao của Công ty Cổ phần Bao bì xi măng Tam Điệp theo HĐGTGT số 001321. Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên, kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 152: 506.677.240

Nợ TK 133: 50.667.724

Có TK 112: 557.344.964

Kế toán sẽ khai báo số liệu và phần mềm để in ra phiếu nhập. Từ phiếu nhập và chứng từ có liên quan sẽ được máy tính xử lý ghi vào Nhật ký chung (Biểu số 19). Từ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 152 (Biểu số 20), TK 133, TK 112. Đồng thời kế toán khai báo vào hệ thống sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Cuối kỳ căn cứ vào các Sổ cái các TK, kế toán thực hiện các thao tác trên máy tính lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng Cân đối số phát sinh, Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ (Tiếp theo Ví dụ 2): Ngày 28/10/2011, nhập kho Clinker mua của công ty TNHH Long Trọng theo HĐGTGT số 002392. Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên, kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 152: 488.899.250

Nợ TK 133: 48.889.925

Có TK: 537.789.175

Kế toán sẽ khai báo số liệu và phần mềm để in ra Phiếu nhập. Từ Phiếu nhập và chứng từ có liên quan sẽ được máy tính xử lý ghi vào Nhật ký chung (Biểu số 19). Từ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 152 (Biểu số 20), TK 133, TK 112. Đồng thời kế toán khai báo vào hệ thống sổ chi tiết nguyên vật liệu. Từ Bảng Cân đối số phát sinh, Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ căn cứ vào các Sổ cái các TK, kế toán thực hiện các thao tác trên máy tính lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng Cân đối số phát sinh, Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ (Tiếp theo Ví dụ 3): Ngày 30/10/2011 công ty xuất 756,75 tấn Clinker cho xưởng nguyên liệu. Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên, kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 621: 169.738.268

Có TK 621: 169.738.268

Kế toán sẽ khai báo số liệu và phần mềm để in ra Phiếu xuất. Từ Phiếu xuất và chứng từ có liên quan sẽ được máy tính xử lý ghi vào Nhật ký chung (Biểu số 19). Từ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 152 (Biểu số 20), TK 133, TK 112. Đồng thời kế toán khai báo vào hệ thống sổ chi tiết nguyên vật liệu. Từ Bảng Cân đối số phát sinh, Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ căn cứ vào các Sổ cái các TK, kế toán thực hiện các thao tác trên máy tính lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng Cân đối số phát sinh, Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ (Tiếp theo Ví dụ 4): Ngày 31/10/2011 công ty xuất 72.000 cái vỏ bao cho PX nghiền đóng bao sử dụng. Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên, kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 621: 405.072.000

Có TK 152: 405.072.000

Kế toán sẽ khai báo số liệu và phần mềm để in ra Phiếu xuất. Từ Phiếu xuất và chứng từ có liên quan sẽ được máy tính xử lý ghi vào Nhật ký chung (Biểu số 19). Từ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 152 (Biểu số 20), TK 133, TK 112. Đồng thời kế toán khai báo vào hệ thống sổ chi tiết nguyên vật liệu. Từ Bảng Cân đối số phát sinh, Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ căn cứ vào các Sổ cái các TK, kế toán thực hiện các thao tác trên máy tính lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng Cân đối số phát sinh, Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng

Biểu số 02: Nhập vữa bao

Phiếu nhập kho. Kỳ: 01/01/11-31/12/11

Mã giao dịch	9	Nhập khác	Ngày ht	14/10/2011
Mã khách	TAMDIEP	Công ty cổ phần Bao bì xi măng Tam Điệp	Ngày lập pn	14/10/2011
Địa chỉ	Số 2, Đà Nẵng, Hải Phòng		Quyển số	PN001
Ng. giao hàng			Số phiếu nhập	1157
Diễn giải	Mua vữa bao		Tỷ giá	VND 1

Tên vật tư	Đvt	Mã kho	Mã vụ việc	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Thành tiền VND	Tk nợ	Tk có
Vữa bao	cái	KH01		729 121,00	91 129,00	5 560	506 677 240	1521	1121

Số lượng: 91 129,00 Tổng tiền: 506 677 240

Biểu số 06: Nhập Clinker

Phiếu nhập kho. Kỳ: 01/01/11-31/12/11

Mã giao dịch	9	Nhập khác	Ngày ht	28/10/2011
Mã khách	L_TRONG	Công ty TNHH Long Trọng	Ngày lập pn	28/10/2011
Địa chỉ	Số 4, đường vòng Cầu Niệm, Lê Chân, Hải Phòng		Quyển số	PN001
Ng. giao hàng			Số phiếu nhập	1169
Diễn giải	Mua clinker		Tỷ giá	VND 1

Tên vật tư	Đvt	Mã kho	Mã vụ việc	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Thành tiền VND	Tk nợ	Tk có
Clinker	tấn	KH01		3 650,00	2 150,00	227 395	488 899 250	1521	331111

Số lượng: 2 150,00 Tổng tiền: 488 899 250

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng

Biểu số 09: Xuất Clinker

Công ty TNHH MTV Xi măng VICEM Hải Phòng

Tro giúp

Phiếu xuất kho. Kỳ: 01/01/11-31/12/11

Mã giao dịch	4	Xuất cho sản xuất	Ngày ht	30/10/2011
Mã khách	XUONGNL	Xưởng nguyên liệu	Ngày lập px	30/10/2011
Địa chỉ			Quyển số	PX001
Ng. nhận hàng	Bùi Văn Công		Số phiếu xuất	1475
Diễn giải	Xuất Clinker cho sản xuất		Tỷ giá	VND 1

Sửa tương tiền Xuất theo giá đích danh cho v.tư tính giá TB F4-Thêm dòng, F8>Xóa, F5>Xem px, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tên hàng	Đvt	Mã kho	Mã vụ việc	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Thành tiền VND	Tk nợ	Tk có
Clinker	tấn	KHD1		7 456,75	756,75	224 299	169 738 268 621		1521

Số lượng: 756,75 Tổng tiền: 169 738 268

Xử lý: Ghi vào sổ cái

Lưu Mới Sao chép In c.từ Hủy bỏ Xóa Xem Tìm Quay ra

1/336 Ma_Nx 1111 NUM 22:12:48 10:12 PM 7/3/2012

Biểu số 12: Xuất vữa bao

Công ty TNHH MTV Xi măng VICEM Hải Phòng

Tro giúp

Phiếu xuất kho. Kỳ: 01/01/11-31/12/11

Mã giao dịch	4	Xuất cho sản xuất	Ngày ht	31/10/2011
Mã khách	XUONGNDB	Xưởng nghiền đồng bao	Ngày lập px	31/10/2011
Địa chỉ			Quyển số	PX001
Ng. nhận hàng	Phạm Văn An		Số phiếu xuất	1473
Diễn giải	Xuất để sản xuất		Tỷ giá	VND 1

Sửa tương tiền Xuất theo giá đích danh cho v.tư tính giá TB F4-Thêm dòng, F8>Xóa, F5>Xem px, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tên hàng	Đvt	Mã kho	Mã vụ việc	Tồn kho	Số lượng	Giá VND	Thành tiền VND	Tk nợ	Tk có
Vữa bao	cái	KHD1		162 670,00	72 000,00	5 626	405 072 000 621		1521

Số lượng: 72 000,00 Tổng tiền: 405 072 000

Xử lý: Ghi vào sổ cái

Lưu Mới Sao chép In c.từ Hủy bỏ Xóa Xem Tìm Quay ra

1/336 Ma_Nx 1111 NUM 22:18:23 10:18 PM 7/3/2012

Biểu số 19: Trích sổ Nhật kí chung

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG
 Minh Đức – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/10/2011

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
01/10	PC001562	Mua máy tính xách tay	211 133 111	24.818.000 2.481.800	27.299.800
				
6/10	PX 1453	Xuất Clinker	621 152	684.435.000	684.435.000
14/10	PN 1157	Mua Vỏ bao của Công ty Cổ phần Bao bì xi măng Tam Điệp	152 133 112	506.677.240 50.667.724	557.344.964
				
28/10	PN 1169	Mua Clinker của công ty TNHH Long Trọng	152 133 331	488.899.250 48.889.925	537.789.175
29/10	PN 1170	Nhập kho thành phẩm từ sản xuất	155 154	2.866.766.613	2.866.766.613
				
30/10	PX 1475	Xuất clinker cho Xưởng Nguyên liệu	621 152	169.738.268	169.738.268
31/10	PX 1479	Xuất vỏ bao cho PX nghiền đóng bao sử dụng	621 152	405.072.000	405.072.000
31/10	PX 1480	Xuất kiểm tra chất lượng	627 152	21.223.156	21.223.156
				
CỘNG SỐ PHÁT SINH				3.112.589.786.954	3.112.589.786.954

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng

Biểu 20: Sổ cái TK 152

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

Minh Đức – Thủy Nguyên – Hải Phòng

SỔ CÁI

Tài khoản: 152

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/10/2011

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư nợ đầu kỳ		30.005.168.400	
				
05/10	PN 1132	Mua đá xít đen nhập kho	112	145.793.117	
				
14/10	PN 1157	Mua Vỏ bao của Công ty Cổ phần Bao bì xi măng Tam Điệp	112	506.677.240	
				
28/10	PN 1168	Mua Bazan Nông Công	331	423.545.721	
28/10	PN 1169	Nhập kho clinker	331	488.899.250	
				
30/10	PX 1475	Xuất Clinker cho xưởng nguyên liệu	621		169.738.268
				
31/10	PX 1479	Xuất vỏ bao cho PX Nghiền đóng bao sử dụng	621		405.072.000
31/10	PX 1480	Xuất kiểm tra chất lượng	627		21.223.156
				
		Tổng số phát sinh		64.616.299.499	35.455.123.765
		Số dư nợ cuối kỳ		59.166.344.134	

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

2.3 Công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

Định kỳ cuối năm, Công ty tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu để phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số liệu tồn kho trên thực tế và số liệu sổ sách.

Mục đích của việc kiểm kê nguyên vật liệu tồn kho là để xác định số lượng, chất lượng, trị giá nguyên vật liệu còn tồn kho, từ đó phát hiện số chênh lệch giữa sổ sách với thực tế để có biện pháp bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu cũng như tài sản của doanh nghiệp.

Trước mỗi lần tiến hành kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để thuận tiện cho công tác kiểm kê, đồng thời các sổ sách nguyên vật liệu tại phòng kế toán cũng phải khóa sổ để thuận tiện cho công tác đối chiếu.

Thông qua việc cân, đo, đong, đếm... xác định số nguyên vật liệu còn trong kho so với sổ sách, Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào kết quả kiểm kê, Giám đốc công ty cùng với ban lãnh đạo và Hội đồng kiểm kê sẽ đưa ra những quyết định hợp lý trong công tác nguyên vật liệu tại Công ty. Biên bản kiểm kê là cơ sở để kế toán ghi sổ kế toán cho niên độ mới tiếp theo.

Nhìn chung công tác kiểm kê kho ở công ty trong những năm trở lại đây không có trường hợp mất mát mà chỉ có vài trường hợp thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan nhưng số lượng không đáng kể.

- Trường hợp kiểm kê phát hiện vật liệu thiếu
 - + Nếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ phải tiến hành ghi sổ bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán.

- + Nếu giá trị nguyên vật liệu hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (Hao hụt vật liệu trong định mức) ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 152 – Nguyên vật liệu

- + Nếu số hao hụt, mất mát chưa xác định rõ nguyên nhân phải chờ xử lý, căn cứ vào giá trị hao hụt, ghi:

Nợ TK 138 – Phải thu khác (1381 – Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 152 – Nguyên vật liệu.

Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào quyết định, ghi:

Nợ TK 111, 138, 334, 632

Có TK 1381 - Trường hợp kiểm kê phát hiện nguyên vật liệu thừa

+ Nếu xác định là của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 152 – Nguyên vật liệu

Có TK 711 – Thu nhập khác

+ Nếu xác định phải là vật liệu thừa, trả người khác kế toán ghi đơn vào bên

Nợ TK 002. Nếu quyết định mua số vật liệu đó, doanh nghiệp thông báo cho bên bán và ghi:

Nợ TK 152 – Nguyên vật liệu

Có TK 338 – Phải trả, phải nộp khác

Ví dụ 5: Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 31/12/2010, Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật tư (Biểu số 21).

Biểu số 21: Biên bản kiểm kê vật tư.

CÔNG TY TNHH MTV XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG

TÊN KHO: Kho vật tư

MST : 0200155219

Mẫu số 06-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ

Năm 2011

Hôm nay, vào hồi 7h30 ngày 31/12/2011 chúng tôi gồm có :

- | | | |
|---------------------|--------------------------|--------------------|
| - Ông: Bùi Thế Hùng | Chức vụ: Phó Giám đốc | Trưởng Ban kiểm kê |
| - Ông: Lý Đức Nhân | Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật | Ủy viên |
| - Bà: Trần Thị Lan | Chức vụ: Thủ kho | Ủy viên |
| - Bà: Lê Thị Phương | Chức vụ: Kế toán | Ủy viên |

Đã kiểm kê kho có những vật tư sau :

Stt	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Danh điểm	Đvt	Đơn giá	Sổ sách		Thực tế		Chênh lệch				Phẩm chất			
					SL	T.Tiền	SL	T.Tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất	
									SL	T.Tiền	SL	T.Tiền				
1	Clinker	21.14.00.001	Tấn		10.300	2.789.945.600	10.300	2.789.945.600						X		
2	Đá bazan	21.18.00.005	Tấn		10.000	928.040.000	800	928.040.000						X		
3	Chất trợ nghiền	21.17.03.008	Tấn		11.100	1.654.235.500	10.200	1.654.235.500						X		
4	Vỏ bao	22.11.00.013	cái		510.230	2.995.233.122	510.230	2.995.233.122						X		
										
	Tổng					72.122.421.367										

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê
(Ký, họ tên)

Kết luận của Ban kiểm kê : Đa số các vật tư còn tốt 100% và số lượng không chênh lệch với sổ sách.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XI MĂNG VICEM HẢI PHÒNG.

3.1 Nhận xét về kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

Kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh đến nay, công ty đã trải qua không ít khó khăn và thách thức để vươn lên tạo chỗ đứng cho mình trên thị trường. Đặc biệt là trong điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay, muốn tồn tại thì phải cạnh tranh lẫn nhau. Nhưng chính những rào cản đó lại là những động lực để công ty nỗ lực, phát huy mọi thế mạnh của mình, từng bước vươn lên phát triển và khẳng định vị thế của mình trên thị trường.

Để đứng vững trên thị trường và tạo lập được uy tín của mình như hiện nay không thể không nói đến sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo công ty và sự vươn lên của các thành viên trong công ty. Tập thể lãnh đạo của công ty đã nhận ra những mặt yếu kém không phù hợp với cơ chế mới nên đã có nhiều biện pháp kinh tế hiệu quả, mọi sáng kiến luôn được phát huy nhằm từng bước khắc phục những khó khăn để hoà nhập với nền kinh tế thị trường. Bản thân công ty luôn phải tự tìm ra các nguồn vốn để sản xuất, tự mình tìm ra các nguồn nguyên vật liệu để đáp ứng nhu cầu sản xuất, đồng thời là một công ty nhạy bén với sự thay đổi và sự cạnh tranh trên thị trường, công ty luôn chú trọng tới việc nâng cao chất lượng công trình và công tác quản lý nói chung và công tác nguyên vật liệu nói riêng. Một trong những yêu cầu quan trọng mà công ty đề ra là phải tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Như đã biết, vật liệu là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành. Do đó công tác quản lý và sử dụng vật liệu tốt sẽ góp phần thực hiện và đóng góp tốt mục tiêu hạ giá thành sản phẩm mà công ty đã đề ra. Điều này thể hiện ở sự chú trọng từ khâu thu mua, bảo quản cho đến khâu sử dụng vật liệu. Qua thời gian tìm hiểu thực tế công tác nguyên vật liệu ở Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng, được sự quan tâm giúp đỡ của các cô chú, anh

chị trong công ty và với những kiến thức tiếp thu được ở trường, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1 Ưu điểm

- Thứ nhất: Về khâu thu mua nguyên vật liệu.

Công ty đã tổ chức được bộ phận tiếp liệu chuyên đảm nhận công tác thu mua nguyên vật liệu trên cơ sở đã xem xét, cân đối giữa kế hoạch và nhu cầu sản xuất.

- Thứ hai: Về bộ máy quản lý.

Cùng với sự lớn mạnh và phát triển của công ty (sự lớn mạnh không chỉ thể hiện qua cơ sở vật chất, kỹ thuật mà còn thể hiện ở khâu quản lý có trình độ), đó là công tác kế toán nói chung và công tác nguyên vật liệu nói riêng, không ngừng được hoàn thiện và nâng cao. Kế toán nguyên vật liệu ở công ty đã phản ánh chặt chẽ về tài sản cũng như nguồn cung ứng vốn của công ty, đồng thời cung cấp thông tin chính xác kịp thời cho Giám đốc, cho công tác quản lý, phân tích được các hoạt động kinh tế, thường xuyên giúp cho việc chỉ đạo nhập - xuất vật liệu một cách ổn định và nhanh chóng. Với đội ngũ kế toán được đào tạo khá vững và am hiểu như hiện nay là phù hợp với chức năng và nhiệm vụ đã được phân công.

- Thứ ba: Về phương pháp hạch toán.

Công ty sử dụng theo phương pháp kê khai thường xuyên nên bất cứ thời điểm nào cũng tính được giá trị nhập, xuất, tăng, giảm, hiện có của nguyên vật liệu. Như vậy công ty có điều kiện để quản lý tốt nguyên vật liệu và hạch toán chặt chẽ đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại công ty.

- Thứ tư: Về tình hình hạch toán nguyên vật liệu ở công ty.

Đây là khâu đặc biệt được công ty coi trọng ngay từ những chứng từ ban đầu cũng như những quy định rất chặt chẽ, được lập kịp thời, nội dung ghi đầy đủ rõ ràng, sổ sách được lưu chuyển theo dõi và lưu trữ khá hợp lý, không chồng chéo. Tổ chức theo dõi và ghi chép thường xuyên, liên tục thông qua các chứng từ như:

Phiếu nhập kho, hoá đơn GTGT và các loại sổ sách đã phản ánh đúng thực trạng biến động nguyên vật liệu ở công ty.

- Thứ năm: Về việc sử dụng hệ thống phần mềm kế toán máy.

Hiện nay công ty đang áp dụng phần mềm kế toán máy FAST - là phần mềm kế toán phổ biến nhất tại Việt Nam hiện nay. Nó giúp cho công tác hạch toán kế toán tại công ty tốn ít nhân lực hơn mà hầu như vẫn đảm bảo về tiến độ công việc. Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm cần phát huy ở trên thì công tác nguyên vật liệu ở công ty còn có những hạn chế.

3.1.2 Nhược điểm

Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục:

- Thứ nhất: Về công tác bảo quản nguyên vật liệu.

Công ty có nhiều loại nguyên vật liệu đặc biệt, đặc biệt là các loại nguyên vật liệu khó bảo quản nên việc bảo quản nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng, nếu không bảo quản tốt sẽ gây thiệt hại cho công ty.

- Thứ hai: Về công tác kiểm kê nguyên vật liệu.

Công tác kiểm kê nguyên vật liệu chưa được thực hiện thường xuyên, cuối năm công ty mới tiến hành công tác kiểm kê nên không phát hiện kịp thời được sự mất mát, hư hỏng nguyên vật liệu để xử lý kịp thời. Vì vậy mà công ty cần tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu thường xuyên hơn để phát hiện và xử lý kịp thời.

- Thứ ba: Về xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu.

Hiện tại công ty chưa xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu mà thường có kế hoạch thu mua khi phát sinh nhu cầu. Vì vậy dễ dẫn đến tình trạng dự trữ quá nhiều một loại nguyên vật liệu mà không sử dụng hết ngay gây nên ứ đọng vốn, chất lượng của nguyên vật liệu bị giảm sút. Nếu dự trữ thiếu có thể làm cho doanh nghiệp ngừng sản xuất.

- Thứ tư: Về tình hình sử dụng nguyên vật liệu.

Trong công tác quản lý và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu thì công tác phân tích tình hình sử dụng và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu là một trong những biện pháp cần thiết. Tuy nhiên, tại công ty công tác này chưa được quan tâm thực hiện.

- Thứ năm: Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Hiện nay Công ty chưa thực hiện việc trích lập giảm giá hàng tồn kho, trong khi đó giá cả nguyên vật liệu thay đổi liên tục. Như vậy, các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, hàng hóa tồn kho giảm giá sẽ không được bù đắp, không lường trước được những rủi ro trong kinh doanh.

3.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

3.2.1 Mục đích, yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu.

3.2.1.1 Mục đích.

Trong nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay thì việc không ngừng hoàn thiện, khắc phục những mặt hạn chế, phát huy những điểm mạnh là mục đích hàng đầu của Công ty nhằm giữ vững tốc độ phát triển của mình. Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải đạt được những mục đích sau:

- Khắc phục được những hạn chế trong công tác kế toán nguyên vật liệu.
- Đáp ứng được những nhu cầu trong sản xuất, quản lý chung của Công ty.
- Nâng cao tốc độ phát triển của Công ty phù hợp với tốc độ phát triển của nền kinh tế.

3.2.1.2 Yêu cầu.

Qua thực trạng công tác kế toán của Công ty thì cần phải hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu. Hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu cần phải đảm bảo những yêu cầu sau:

- Hoàn thiện dần dần để không gây ảnh hưởng đến công tác quản lý, sản xuất của doanh nghiệp.

- Đảm bảo luôn cung cấp thông tin về tình hình biến động của nguyên vật liệu một cách thường xuyên và liên tục.

- Các kiến nghị đưa ra phải dựa trên cơ sở tôn trọng các cơ chế tài chính, chế độ kế toán hiện hành, phải thiết thực, hợp lý, không quả tốn kém, phù hợp với doanh nghiệp.

3.2.1.3 Nguyên tắc.

Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung mà đặc biệt hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một vấn đề phức tạp. Để đáp ứng được các yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh thì việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải căn cứ vào các quy định của Bộ tài chính và phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Kiến nghị đưa ra phải tập trung và các khâu còn nhiều thiếu sót.

- Thực hiện theo nguyên tắc khả thi : Nguyên tắc này đảm bảo cho doanh nghiệp có thể thực hiện được và tuân thủ các quy định, chuẩn mực, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Đảm bảo nguyên tắc hiệu quả: Chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp hoàn thiện phải có hiệu quả tốt hơn trước khi bỏ ra chi phí đó.

3.2.2 Một số ý kiến đề xuất

Qua những cơ sở lý luận về hạch toán nguyên vật liệu với nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu và áp dụng lý luận vào thực tiễn kế toán nguyên vật liệu tại công ty chúng ta đã thấy rõ được vai trò và vị trí của thông tin kế toán nguyên vật liệu trong việc đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý kế toán và quản trị doanh nghiệp.

Xuất phát từ yêu cầu trên việc hoàn thiện tổ chức hạch toán nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng. Hoàn thiện tổ chức hạch toán nguyên vật liệu sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, qua đó hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán nguyên vật liệu đã làm được thì vẫn còn một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty. Qua quá trình thực tập tại công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng, tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của Công ty cũng như tổ chức công tác kế toán, bài viết xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

- Thứ nhất: Về hệ thống kho tàng bến bãi.

Nguyên vật liệu của công ty còn nhiều chủng loại khác nhau nên công ty cần chú trọng đến các kho tàng bến bãi để bảo quản nguyên vật liệu được đảm bảo. Công ty cần xây dựng thêm kho tàng để bảo quản nguyên vật liệu tránh hư hỏng gây thiệt hại cho công ty. Ngoài ra kho tàng đã được xây dựng lâu năm công ty phải kiểm tra và tu sửa lại cho đảm bảo có thể giữ gìn và bảo quản nguyên vật liệu tốt hơn. Đối với những nguyên vật liệu đặc biệt cần có chế độ bảo quản riêng tuân thủ theo đúng yêu cầu của nhà sản xuất hoặc tư vấn chuyên môn để tránh gây hư hỏng và ảnh hưởng đến nguyên vật liệu. Cần có một hệ thống kho đủ tiêu chuẩn để sắp xếp và phân loại nguyên vật liệu một cách khoa học và hợp lý đảm bảo tính an toàn cho từng nguyên vật liệu.

- Thứ hai: Về công tác tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu

Doanh nghiệp nên tiến hành kiểm kê thường xuyên hàng tháng hoặc hàng quý để kịp thời phát hiện những loại vật tư bị thiếu hụt hay còn dư thừa, ít dùng cho sản xuất để có những biện pháp xử lý kịp thời cũng như đề ra các biện pháp khắc phục và những quyết định thu mua hay xuất bán nguyên vật liệu. Công tác kiểm kê thường sử dụng thước đo hiện vật để đo lường như đo, đếm tại chỗ. Khi phát hiện thừa, thiếu nguyên vật liệu tại kho, kế toán phải xác định nguyên nhân và ghi sổ.

Vì doanh nghiệp có rất nhiều loại nguyên vật liệu khác nhau hơn nữa còn có những loại nguyên vật liệu dễ bị hư hỏng nên công ty cần chú trọng vào việc kiểm tra nguyên vật liệu trong kho tránh được những thất thoát, mất mát nguyên vật liệu. Hơn nữa việc kiểm kê thường xuyên giúp doanh nghiệp phát hiện và xử lý kịp thời

khi bị mất mát hay hư hỏng nguyên vật liệu. Trên thực tế đến cuối năm doanh nghiệp mới tiến hành công tác kiểm kê nguyên vật liệu trong kho, như vậy nếu có những vật tư bị hư hỏng trong quá trình lưu trữ thì doanh nghiệp sẽ không kịp thời xử lý sẽ dẫn đến những tổn thất kinh tế, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Như vậy hàng tháng hoặc hàng quý doanh nghiệp phải tiến hành việc kiểm tra nguyên vật liệu trong kho để đảm bảo tính an toàn và xử lý kịp thời những tổn thất có thể xảy ra.

- Thứ ba: Về xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu.

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, nhiều biến động xảy ra có thể ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của công ty và ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Do vậy, nếu công ty không xác định mức dự trữ nguyên vật liệu thì kế hoạch sản xuất có thể bị ngừng trệ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

Nếu công ty dự trữ nguyên vật liệu quá lớn sẽ làm ứ đọng vốn, gây khó khăn trong việc quay vòng vốn và phát sinh các chi phí liên quan. Ngược lại, nếu dự trữ ít thì khi nguyên vật liệu trên thị trường khan hiếm hoặc giá cả nguyên vật liệu thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh, Nguyên vật liệu bị thiếu có thể làm cho doanh nghiệp phải ngừng sản xuất. Vì vậy, công ty nên xây dựng định mức dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu, tránh gây dự trữ quá nhiều hay quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó.

Việc xây dựng này căn cứ trên kế hoạch, định mức tiêu hao cho từng loại nguyên vật liệu cũng như tình hình và khả năng của công ty.

+ Định mức giá cho một đơn vị nguyên vật liệu trực tiếp phản ánh giá cuối cùng của một nguyên vật liệu trực tiếp sau khi đã trừ đi mọi khoản chiết khấu:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức} \\ \text{giá của một} \\ \text{đơn vị NVL} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{đơn vị} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{chuyên chở} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{nhập kho} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết khấu} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

+ Định mức lượng nguyên vật liệu trực tiếp cho một đơn vị sản phẩm phản ánh theo số lượng nguyên vật liệu tiêu hao cho một đơn vị thành phẩm, có cho phép những tiêu hao trong định mức:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức lượng} \\ \text{NVL trực tiếp cho} \\ \text{một đơn vị sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng NVL cần} \\ \text{thiết để sản xuất} \\ \text{một đơn vị sản} \\ \text{phẩm} \end{array} \begin{array}{l} ++ \\ \\ \end{array} \begin{array}{l} \text{Mức hao} \\ \text{hụt cho} \\ \text{phép} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Mức NVL cho} \\ \text{sản phẩm hỏng} \\ \text{(cho phép)} \end{array}$$

Từ đó định mức chi phí nguyên vật liệu cho một đơn vị sản phẩm được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Định mức chi phí NVL} \\ \text{một đơn vị sản phẩm} \\ \text{sản xuất} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Định mức giá một} \\ \text{đơn vị NVL} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Định mức lượng NVL} \\ \text{cho 1 đơn vị sản phẩm} \\ \text{sản xuất} \end{array}$$

Giá tiêu chuẩn về nguyên vật liệu thường được xác định bởi nhân viên phòng kế hoạch đầu tư. Nhân viên cung ứng thường tập hợp giá nguyên vật liệu của các nhà cung cấp khác nhau, để từ đó chọn một nhà cung cấp có thể đáp ứng các yêu cầu về chất lượng nguyên vật liệu cũng như giá cả hợp lý.

Lượng tiêu chuẩn về nguyên vật liệu trực tiếp thường được xác định bởi các kỹ sư và giám đốc sản xuất, căn cứ trên tình trạng sử dụng thực tế.

Xây dựng được định mức dự trữ sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu vừa đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng, hoạt động sản xuất được diễn ra thường xuyên, liên tục, không bị ngưng trệ cũng như nắm bắt kịp thời các cơ hội trong kinh doanh.

Công ty có thể sử dụng Báo cáo dự báo vật tư theo kế hoạch sản xuất kinh doanh như sau:

Biểu số 22: Báo cáo dự báo vật tư theo kế hoạch sản xuất kinh doanh

Đơn vị:

Bộ phận:

**BÁO CÁO DỰ BÁO VẬT TƯ THEO KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT, KINH DOANH**

Tháng ... Quý ... Năm ...

Mã số	Tên, quy cách vật tư	Đvt	Nhu cầu			Số tồn kho thực tế	Số cần nhập bổ sung
			Kế hoạch	Đã sử dụng	Số chưa sử dụng		
A	B	C	1	2	3	4	5

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

PT bộ phận báo cáo
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

- Thứ tư: Về tình hình sử dụng nguyên vật liệu.

Để tăng cường quản lý và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu thì một trong những biện pháp cần thiết đó là công tác phân tích tình hình sử dụng và nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu.

+ Để đánh giá chung các tiềm năng sử dụng nguyên vật liệu ta sử dụng chỉ tiêu hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu.

$$\text{Hiệu suất sử dụng NVL} = \frac{\text{Giá trị sản lượng NVL}}{\text{Chi phí nguyên vật liệu}}$$

Hiệu suất sử dụng NVL biểu hiện một đồng NVL tham gia vào sản xuất trong kỳ đem lại bao nhiêu đồng giá trị sản lượng. Hiệu suất này càng cao chứng tỏ chất lượng công tác quản lý và sử dụng NVL càng tốt.

Phân tích tình hình cung cấp NVL: Để khai thác tiềm năng sử dụng NVL cho sản xuất phải thường xuyên và định kỳ phân tích tình hình cung cấp NVL theo các yêu cầu sau:

- Thường xuyên kiểm tra nguyên vật liệu tồn kho so với định mức dự trữ để giải quyết tình hình định mức không hợp lý.
- Căn cứ vào tình hình cung cấp thực tế đối chiếu với các hợp đồng đã ký, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch cung cấp và tiến độ sản xuất để phát hiện việc mất cân đối giữa nhu cầu và khả năng cung cấp, không thể thiếu hụt nguyên vật liệu dẫn đến phải ngừng sản xuất.

+ Dựa trên cơ sở phân tích một cách khoa học tình hình sử dụng nguyên vật liệu, những phương hướng và biện pháp sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu cần được áp dụng là:

- Không ngừng giảm bớt phế liệu, phế phẩm, hạ thành định mức tiêu dùng NVL.
- Triệt để thu hồi phế liệu, phế phẩm.
- Xoá bỏ mọi hao hụt, mất mát, hư hỏng NVL do nguyên nhân chủ quan gây ra....

Thực hiện tốt việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm NVL sẽ hạn chế được hao hụt, mất mát, chống lãng phí và góp phần làm giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Thứ năm: Về trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để đảm bảo nguyên tắc “thận trọng” trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho sát hợp với giá trị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ chính xác.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm. Bộ tài chính ban hành thông tư 228/2009/TT – BTC tháng 12 năm 2009, quy định về chế độ trích lập và sử dụng các tài khoản dự phòng.

✓ Đối tượng lập dự phòng bao gồm: Nguyên vật liệu dùng cho sản xuất (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển,...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

+ Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

+ Là những vật tư, hàng hóa thuộc chịu sự sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

✓ Phương pháp lập dự phòng:

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán

vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hóa tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp.

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá vật tư,} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư, hàng} \\ \text{hóa thực tế tồn kho} \\ \text{tại thời điểm lập} \\ \text{báo cáo tài chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{(Giá gốc hàng} \\ \text{tồn kho theo sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{tồn kho)} \end{array}$$

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến phát sinh khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ (-) chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính).

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 - “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập.

Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

✓ Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

✓ Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập vào cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

+ Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước khi sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp cho việc hạch toán vật tư tại Công ty đảm bảo độ chính xác và thông qua việc trích lập dự phòng, kế toán nguyên vật liệu sẽ nắm bắt được số chênh lệch cụ thể giữa giá trị hàng tồn kho của Công ty hiện có so với giá thị trường.

Công ty có thể sử dụng mẫu bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau:

Biểu số 23: Bảng tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị:

Địa chỉ:

BẢNG TÍNH DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Năm ...

Stt	Tên vật tư	SL	Theo sổ kế toán		Theo thị trường		Chênh lệch
			Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6=5-3
	Cộng						

KẾT LUẬN

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng em nhận thấy rõ được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của công tác kế toán nguyên vật liệu tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo công ty nắm bắt được tình hình và chỉ đạo sản xuất cũng như việc lập kế hoạch thu mua, sử dụng và chi tiêu nguyên vật liệu thích hợp từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc hạ giá thành công trình, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về lý luận khóa luận: Đã nêu và hệ thống được những vấn đề cơ bản về nguyên vật liệu và công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp.
- Về thực tế: Đã phản ánh được thực trạng công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu cũng như việc quản lý sử dụng nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng và đã chứng minh bằng số liệu năm 2011 cho các lập luận đã nêu ra.
- Đối chiếu giữa lý luận và thực tế tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng, khóa luận đưa ra một số nguyên nhân, phương hướng hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng.

Do thời gian thực tập không nhiều và kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận của em còn nhiều thiếu sót vì vậy em mong nhận được sự giúp đỡ và đóng góp ý kiến của các thầy cô và các bạn để em có thể hoàn thiện được bài khóa luận tốt hơn. Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, nhân viên trong phòng kế toán và các phòng ban khác của Công ty TNHH một thành viên xi măng VICEM Hải Phòng, thầy cô giáo bộ môn và thầy giáo hướng dẫn đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012
Sinh viên

Trần Thị Thuỳ Dương